

I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)**Đọc văn bản:****Câu chuyện tình ở Thanh Trì**

(Trích)

Vũ Trinh

Nguyễn Sinh, người Thanh Trì, diện mạo tuấn tú, phong thái đường hoàng, mồ côi cha từ sớm. Thuở nhỏ, Sinh có đi học nhưng vì nhà nghèo, không được học đến nơi đến chốn. Cạnh làng có dòng sông nhỏ, nhà Sinh vốn làm nghề chèo thuyền nên Sinh theo nghề đó. Hồi ấy, ai làm nghề lái đò đều khéo hát bài ca chèo thuyền. Khi nhàn rỗi, Sinh cũng tập hát, có mấy tháng, Sinh đã học thuộc hết các bài ca.

Sinh khuôn mặt đã xinh tươi hơn người, giọng hát lại càng ngọt ngào. Mỗi khi gió mát trăng trong, mỗi khi ban mai vừa rạng, hoàng hôn mới buông, chàng lại gõ nhịp chèo mà hát, khiến ai nghe cũng phải ngất ngây.

Bên bờ sông là nhà phú ông họ Trần, có một cô gái chưa chồng. Nghe Sinh hát, nàng rất ưa, thường ngồi tựa cửa sổ liếc nhìn. Thấy mặt Sinh, nàng lại càng không sao quên được. Nàng lén nhờ con hầu đem khăn tặng Sinh, và dặn nó bảo Sinh sớm nhờ người làm mai mối. Sinh về nhà bàn với mẹ. Mẹ bảo:

- Người ta giàu, nhà mình nghèo. Giàu nghèo cách biệt, con làm sao mơ tưởng được đám ấy!

Sinh thưa:

- Đây là ý nguyện của cô gái!

Rồi ép mẹ đi hỏi. Bà mẹ bắt đắc dĩ, phải đem tiền nhờ bà hàng xóm đến thưa chuyện trước với ông Trần. Ông Trần không nhận lời. Bà hàng xóm lại cố nài xin, lại hết lời ca ngợi Sinh đẹp trai, đứng đắn. Ông Trần tái mặt, nổi giận nói:

- Có phải là thằng lái đò hát xướng không? Nó tài giỏi, đẹp trai, tôi biết cả rồi. Nhưng con gái tôi xấu xí, thô lậu, không xứng đôi phải lứa được với nó đâu. Xin phiền bà từ chối giúp họ.

Bà hàng xóm vừa ra khỏi cửa mấy bước, đã nghe ông nói lớn:

- Cửa nhà như thế này, con gái yêu kiều như thế này, mà lại có thằng rể lái đò à? Mụ ăn mày này thực ngu hết chỗ nói!

Bà mới trở về, kể lại những lời của ông Trần. Mẹ Sinh vừa xấu hổ, vừa tức giận, mắng Sinh. Sinh cũng phần uất nói:

- Ông già ấy làm nhục người ta quá lắm, chẳng qua cậy có nhiều tiền bạc thôi. Ta thử bỏ nghề chèo thuyền xem có làm giàu được không!

Rồi Sinh từ biệt mẹ ra đi.

Trước đó, cô gái đã biết bố mình sẽ cự tuyệt cuộc hôn nhân, nên rất thất vọng, nhưng không dám đem mối tình u uẩn của mình nói với bố. Biết bố khinh Sinh nhà nghèo, nhân lúc bố sơ ý, nàng lấy trộm hai trăm lạng vàng, sai người ngấm đưa cho Sinh để làm sính lễ. Nghe tin Sinh phần chí bỏ đi, không biết là đi đâu, trong lòng âm thầm thương xót. Mỗi khi không có ai, nàng lại nhìn bóng mình mà nuối lệ. Dần dà, nàng sinh bệnh, chân tay rời rã, vóc dáng gầy mòn,

trong bụng kết thành một khối rắn như đá, chữa chạy thế nào cũng không khỏi. Cứ như vậy đến hơn một năm thì nàng qua đời. Trước khi mất, nàng dặn lại:

- Trong ngực con chắc có vật gì lạ. Sau khi con mất, xin hoá táng để xem đó là vật gì.

Ông Trần làm theo lời con. Khi lửa thiêu đã lụi, ông thấy trong nắm tro xương, sót lại một vật to bằng cái đầu, sắc đỏ như son, không phải ngọc, cũng chẳng phải đá, nó trong như gương, búa đập không vỡ. Nhìn bên trong thì có bóng một con đò, trên đò có một chàng trai ngả đầu tựa mái chèo nằm hát. Ông nhớ lại chuyện ngày trước, mới hay con gái mình đã chết vì chàng lái đò, hối hận cũng không kịp nữa. Ông bèn đóng một chiếc hộp con, đặt khối đá vào trong, để thờ phía trên giường con gái.

Sinh bỏ nhà, một thân bơ vơ lên đất Cao Bằng, sống dựa vào viên tướng trấn thủ xứ ấy. Vì hát hay nên chàng được quý mến. Hơn một năm sau, trong túi đã có chút của nả. Vài năm sau nữa, Sinh tích góp được hơn ba trăm lạng. Chàng nghĩ: “Số vàng này đủ để dùng vào việc vui được đấy!”. Rồi Sinh sửa soạn hành trang trở về. Đến nhà, hỏi thăm, được biết mọi chuyện về cái chết của cô gái. Sinh đau xót tuyệt vọng, vội sắm sửa lễ vật đến điếu nàng. Làm lễ xong, ông Trần mời Sinh ở lại dùng cơm. Sinh xin ông cho xem cục đá cất giữ trong hộp. Ông mở hộp lấy ra đưa cho Sinh. Sinh nâng niu cảm lấy, xúc động khóc rống lên, nước mắt nhỏ xuống khối đá. Bỗng nhiên, khối đá tan ra thành nước, chảy đầm đìa thành máu tươi, ướt đầm ống tay áo chàng. Sinh xúc động trước mối tình của cô gái, thế không lấy ai nữa. [...]

(Theo Nam Ông mộng lục và những truyện khác, Nhiều tác giả, NXB Văn học, 2001, tr.125-128)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện.

Câu 2. Chỉ ra 01 biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: *Khi lửa thiêu đã lụi, ông thấy trong nắm tro xương, sót lại một vật to bằng cái đầu, sắc đỏ như son, không phải ngọc, cũng chẳng phải đá, nó trong như gương, búa đập không vỡ.*

Câu 3. Nhận xét về đặc điểm của cô gái họ Trần qua đoạn văn sau:

Nghe tin Sinh hẳn chỉ bỏ đi, không biết là đi đâu, trong lòng âm thầm thương xót. Mỗi khi không có ai, nàng lại nhìn bóng mình mà nuốt lệ. Dần dà, nàng sinh bệnh, chân tay rời rã, vóc dáng gầy mòn, trong bụng kết thành một khối rắn như đá, chữa chạy thế nào cũng không khỏi. Cứ như vậy đến hơn một năm thì nàng qua đời.

Câu 4. Phân tích tác dụng của việc sử dụng yếu tố kì ảo trong văn bản.

Câu 5. Qua bi kịch của cô gái họ Trần, tác giả muốn thể hiện thái độ, tình cảm gì?

Câu 6. Từ số phận của cô gái họ Trần trong văn bản, bạn hãy trình bày suy nghĩ của mình về người phụ nữ trong xã hội hiện nay. (Trả lời khoảng 5 - 7 dòng)

II. VIẾT (5,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: *Thất bại chính là cơ hội để bạn khởi đầu lần nữa một cách hoàn hảo hơn.*

Dưới góc nhìn của người trẻ, bạn hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày quan điểm của bản thân về ý kiến trên.

HƯỚNG DẪN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0
	1	Xác định ngôi kể: người kể chuyện ngôi thứ ba. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm - Học sinh trả lời sai: 0,0 điểm	0,75
	2	Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: - Liệt kê: <i>sắc đỏ như son, không phải ngọc, cũng chẳng phải đá, nó trong như gương, búa đập không vỡ.</i> - So sánh: <i>một vật to bằng cái đầu, sắc đỏ như son, trong như gương.</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng 01 biện pháp tu từ (gọi đúng tên, chỉ ra đúng, đủ biểu hiện): 0,75 điểm - Học sinh gọi đúng tên biện pháp chỉ ra dấu hiệu nhận biết nhưng chưa đầy đủ: 0,5 điểm. - HS chỉ gọi đúng tên 01 biện pháp hoặc chỉ chỉ ra dấu hiệu của biện pháp: 0,25 điểm - Học sinh trả lời sai: 0,0 điểm	0,75
	3	Đặc điểm của cô gái họ Trần: đau khổ, thương nhớ chàng trai; tình nghĩa, thủy chung sâu nặng; chết trong đợi chờ mãi mòn, tuyệt vọng. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án (hoặc trả lời được 02 ý): 0,5 điểm - Học sinh trả lời được 01 ý: 0,25 điểm (Học sinh có câu trả lời với cách diễn đạt tương đương được điểm tối đa khi đúng ý)	0,5
	4	- Chỉ ra yếu tố kì ảo: + Hình ảnh dị vật để lại sau khi chết của cô gái họ Trần là <i>một vật to bằng cái đầu, sắc đỏ như son, không phải ngọc, cũng chẳng phải đá, nó trong như gương, búa đập không vỡ. Nhìn bên trong thì có bóng một con đò, trên đò có một chàng trai đang ngả đầu tựa mái chèo nằm hát.</i> + Nguyễn Sinh cảm chiếc hộp đựng khối đá <i>xúc động khóc rống lên, nước mắt nhỏ xuống khối đá. Bỗng nhiên, khối đá tan ra thành nước, chảy đầm đìa thành máu tươi, ướt đầm ồng tay áo chàng.</i> - Tác dụng: + Thúc đẩy sự phát triển của cốt truyện, tạo sự li kì, hấp dẫn; thể hiện trí tưởng tượng phong phú của tác giả. + Thể hiện nỗi đau khổ của cô gái họ Trần khi bị ngăn cản trong tình yêu, hôn nhân; sự thấu hiểu, yêu thương và đau xót của Nguyễn Sinh để nỗi oan tình được hoá giải. Hướng dẫn chấm: - Học sinh chỉ ra yếu tố kì ảo: 0,5 điểm - Học sinh nêu tác dụng của yếu tố kì ảo: 0,5 điểm	1,0

		- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	
	5	<p>Thái độ, tình cảm của tác giả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Niềm cảm thương với thân phận người phụ nữ. - Lên án lễ giáo phong kiến hà khắc. - Thể hiện khát vọng tự do trong tình yêu, hôn nhân. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời được 02 ý: 0,75 điểm - Học sinh trả lời được 01 ý: 0,5 điểm <p>(Học sinh có câu trả lời với cách diễn đạt tương đương được điểm tối đa khi đúng ý)</p>	1,0
	6	<p>- Học sinh nêu được số phận của cô gái họ Trần: bị ngăn cản trong tình yêu, chết trong đau khổ, tuyệt vọng...</p> <p>- Học sinh bày tỏ được suy nghĩ của bản thân về người phụ nữ trong xã hội hiện nay (Gợi ý: không còn phải chịu nhiều đau khổ, bất hạnh; được tự do trong lựa chọn tình yêu, hôn nhân...)</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nêu được số phận của cô gái họ Trần: 0,5 điểm. - Học sinh bày tỏ suy nghĩ về người phụ nữ trong xã hội hiện nay: <ul style="list-style-type: none"> + Học sinh bày tỏ được suy nghĩ, diễn đạt thuyết phục, mạch lạc, giàu cảm xúc: 0,5 điểm. + Học sinh bày tỏ được suy nghĩ nhưng diễn đạt còn chung chung, chưa mạch lạc: 0,25 điểm. + Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm. 	1,0
II		VIẾT	5,0
		<p>Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về ý kiến: Thất bại chính là cơ hội để bạn khởi đầu lần nữa một cách hoàn hảo hơn.</p>	
		<p>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</p> <p>Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.</p>	0,5
		<p>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</p> <p>Thái độ sống tích cực và ý nghĩa của những thất bại trong cuộc sống.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh xác định đúng vấn đề nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm. 	0,5
		<p>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</p> <p>Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận. * Thân bài: <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Thất bại</i> là khi con người không đạt được mục tiêu dù đã rất cố gắng. + <i>Cơ hội</i> là điều kiện thuận lợi, là thời điểm kết hợp các yếu tố lí tưởng để ta 	3,0

	<p>thực hiện và thành công.</p> <p>+ <i>Khởi đầu lần nữa một cách hoàn hảo hơn</i> là bắt đầu lại chẵn chu, tròn vẹn và không có sai sót.</p> <p>-> Ý của câu nói: Thất bại không đáng sợ, hãy coi đó là cơ hội để học hỏi, hoàn thiện và bắt đầu lại một cách tốt đẹp để thành công. Nói cách khác, câu nói đề cao thái độ sống tích cực và ý nghĩa của sự thất bại trong cuộc sống.</p> <p>- Bàn luận:</p> <p>+ Cuộc sống luôn tiềm ẩn những khó khăn và thất bại; con người luôn phải đối diện với thất bại là điều tất yếu. Đặc biệt người trẻ ít kinh nghiệm, thiếu kiến thức và kỹ năng nên càng dễ gặp thất bại. Vì thế người trẻ cần có thái độ sống tích cực khi đứng trước những thất bại.</p> <p>+ Đối diện với thất bại bằng thái độ sống tích cực, người trẻ sẽ học hỏi được những bài học quý giá từ thực tiễn; rèn luyện tinh thần, ý chí vượt lên khó khăn thử thách; biết cách tìm kiếm những cơ hội mới để thay đổi bản thân và cuộc sống để thành công; được mọi ngườii trân quý, nể phục...</p> <p>+ Muốn học hỏi và đứng lên sau thất bại người trẻ cần nhận thức được bản chất và quy luật của cuộc sống; thường xuyên học tập trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm; luôn có thái độ sống lạc quan...</p> <p>- Mở rộng vấn đề: Trao đổi với ý kiến trái chiều hoặc quan điểm khác</p> <p>* Kết bài: Khái quát lại vấn đề nghị luận; liên hệ bản thân.</p> <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (2,5 điểm - 3,0 điểm).</i></p> <p>- <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (1,25 điểm - 2,25 điểm).</i></p> <p>- <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm - 1,0 điểm).</i></p>	
	<p>d. Diễn đạt</p> <p>Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- <i>Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i></p>	0,5
	<p>đ. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
Tổng cộng (I + II)		10,0

Lưu ý khi chấm bài:

Giáo viên cần nắm vững yêu cầu chấm để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh, tránh đếm ý cho điểm một cách máy móc, linh hoạt trong việc vận dụng Hướng dẫn chấm.

----- **Hết** -----

I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)**Đọc văn bản sau:****NGƯỜI MẸ XÓM NHÀ THỜ****(Trích)****Nguyễn Minh Châu**

[Lược trích: Nhân vật “ tôi” và một người bạn đường trong chuyến đi công tác được chính quyền bố trí nghỉ tạm tại xóm nhà thờ. Cậu bé Nét dẫn nhân vật “tôi” về nhà của mình và bà nội. Đó là mẹ Lân - người đàn bà có đạo, cần cù, rất yêu quý cán bộ. “Tôi” đã được mẹ Lân kể lại chuyện nhà của mình từ ngày quân Pháp kéo quân về cần quét. Vợ chồng anh Lân - con trai của bà di cư và đã thất lạc nhau, chỉ còn mẹ Lân cùng với bé Nét quay trở về làng sinh sống. Sau một đạo công tác ở một tỉnh vùng trong, “tôi” trở lại xóm nhà thờ. Giặc Mỹ bắt đầu ném bom bắn phá các tỉnh phía trong, nhà mẹ Lân đã bị cháy sạch.]

Tôi tìm thấy ở cuối vườn một cái túp trông vỏ bèo mới dựng, chiếc cần vó đang từ từ cất lên khỏi mặt nước. Tôi nhìn sang bên kia sông. Một trận địa pháo mới lắp nằm giữa lưng chừng sườn núi. Tiếng bác Tuất – người cán bộ xóm – từ trong núi hồi vọng xuống:

- Có được nhiều chếp không hả mẹ?
- Ồi ra. Hôm nay được anh ạ!

Tôi mừng quỳnh vì nhận ra đúng tiếng mẹ Lân trả lời. Tôi khom lưng chui vào trong túp. Mẹ trông thấy người bước vào, đưa ngọn đèn dầu đã vặn nhỏ soi ngang mặt. Tôi chào mẹ. Mẹ vẫn bé nhỏ, trầm tĩnh và hiền hậu. Không đợi tôi hỏi thăm, mẹ Lân khi nhận ra tôi liền kêu:

- Anh đã trở ra đây ư? Cha thằng Mỹ, nó đốt mất nhà, anh ngủ ở đâu được bây giờ?

Tôi đặt ba lô xuống chiếc chõng đã gãy mất một góc, kê bằng mấy viên gạch và nhìn quanh, hỏi:

- Em Nét chạy đâu rồi mẹ?

Tôi vừa sực nhớ đến món quà tôi cố lòng cho Nét, một mảnh thép lấy ở xác máy bay Mỹ để rèn một con dao trở rất tốt. Ngọn đèn trên tay mẹ bỗng rung rung, ánh lửa trắng bệch ra trên cặp môi mấp máy. Một nỗi đau ghê gớm cố nén chặt đang hiện trên khuôn mặt mẹ rồi từ từ, hai giọt nước mắt ứa ra, nặng trĩu, lăn xuống đôi gò má răn reo.

Giặc Mỹ đã giết mất em Nét, chú học sinh gác phòng không của tôi rồi!

Lát lâu sau khi báo cái tin ấy cho tôi biết bằng một tiếng kêu xé ruột, mẹ Lân ngồi tựa chiếc cần vó, không động đậy. Chỉ có đôi mắt già nua phản chiếu ánh lửa nhìn qua vai tôi, vào cái khoảng tối mênh mông, phía ngôi nhà cũ. Tôi cắn chặt môi. Bất cứ chỗ nào quanh đây, tôi cũng tìm thấy hình dáng em, chú học sinh thông minh và đáng yêu, chiếc mũ cối rộng vành, dải khăn quàng đỏ bay phất phơ trước ngực và những mảnh gỗ dẽ căng phòng hai túi quần.

Tôi ngồi lặng đi, lòng căm thù giặc mỗi lúc lại nhen thêm, cho đến khi tôi sinh ra ngạc nhiên về thái độ quá bình thản của mẹ. Em Nét mất, kẻ thù đã dứt đi một phần da thịt, vậy mà mẹ vẫn đủ bình tâm làm việc, còn lo tôi không có chỗ ngủ.

Mẹ trao chiếc đèn vào tay tôi, đứng thẳng người ghé vai tỳ lên chiếc cần vó làm bằng hai cây luồng rất dài. Chiếc cần vó nặng trĩu thốt lên tiếng kêu ken két. Cử chỉ của mẹ vẫn chính xác và mạnh mẽ. Từ từ cho mặt nước khởi động, mẹ nhắc bổng những chiếc gọng vó lên [...]

Hôm ấy, vào quãng gần chiều một cơn giông từ bên kia dốc đổ sang, từng đợt gió xoáy bị nghẹt trong hẻm núi lửa ra rất mạnh. Nhiều tốp máy bay địch bất ngờ lao vút tới. Trận đánh xảy ra rất nhanh. Giữa khung cảnh mù mịt khói đạn cùng cơn giông bão đang nổi lên âm ầm, người ta thấy một người đàn bà, tay cầm chiếc đòn gánh, đang lao qua những đám cháy ngoài bờ sông chạy lên trận địa. Bên kia sông, từ xóm nhà thờ vẳng lên tiếng thét, tiếng la khóc, và lửa đỏ cháy bùng bùng; một cụm khói đen như cái nấm đã trùm kín cái xóm nhỏ.

Người đàn bà quần áo cháy sém, tả tơi chạy thẳng tới bên một ụ súng, đôi mắt đỏ ngầu ngược lên nhìn những chiếc máy bay như một đàn thú vờn lượn trên đầu. Một tiếng thét bật lên:

- Các con hãy bắn đi, giết đi! Giết hết chúng nó đi!

Chiến sĩ cầm chặt môi đập cò. Mọi người đều nghe rõ. Đó là tiếng thét của mẹ Lân! Cả một vùng trời giông bão rạch ngang dọc những tia chớp. Người mẹ đau khổ đứng sừng sững trên mặt đất, bàn tay cầm chiếc đòn gánh chĩa thẳng lên trời: “Giết đi! Giết hết chúng nó!”. Trông mẹ chả khác nào một khối căm giận đang bốc thành ngọn lửa. Quả thật, lần đầu tiên tôi được trông thấy một người mẹ trong tư thế dữ dội như vậy [...].

(Theo Nguyễn Minh Châu tuyển tập truyện ngắn, NXB Văn học, 2006, tr.74-77)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện.

Câu 2. Chỉ ra những chi tiết miêu tả tâm trạng của mẹ Lân khi nghe nhân vật “tôi” hỏi thăm về bé Nét.

Câu 3. Phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ liệt kê trong câu văn sau:

Bên kia sông, từ xóm nhà thờ vẳng lên tiếng thét, tiếng la khóc, và lửa đỏ cháy bùng bùng; một cụm khói đen như cái nấm đã trùm kín cái xóm nhỏ.

Câu 4. Câu “Em Nét mất, kẻ thù đã dứt đi một phần da thịt, vậy mà mẹ vẫn đủ bình tâm làm việc, còn lo tôi không có chỗ ngủ.” giúp bạn hiểu được điều gì về nhân vật mẹ Lân?

Câu 5. Nhận xét tình cảm, thái độ của người kể chuyện với nhân vật mẹ Lân thể hiện qua đoạn văn:

Cả một vùng trời giông bão rạch ngang dọc những tia chớp. Người mẹ đau khổ đứng sừng sững trên mặt đất, bàn tay cầm chiếc đòn gánh chĩa thẳng lên trời: “Giết đi! Giết hết chúng nó!”. Trông mẹ chả khác nào một khối căm giận đang bốc thành ngọn lửa. Quả thật, lần đầu tiên tôi được trông thấy một người mẹ trong tư thế dữ dội như vậy.

Câu 6. Từ hành động của nhân vật mẹ Lân trước những mất mát, bạn hãy bày tỏ quan điểm của bản thân về cách ứng xử nên có với nỗi đau buồn trong cuộc sống. (Trả lời khoảng 5 - 7 dòng)

II. VIẾT (5,0 điểm)

Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về việc sử dụng thời gian có hiệu quả.

----- Hết -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

Họ tên học sinh: Số báo danh:

HƯỚNG DẪN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0

1	<p>Xác định ngôi kể: người kể chuyện ngôi thứ nhất.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời sai: 0,0 điểm</p>	0,75
2	<p>Những chi tiết miêu tả tâm trạng mẹ Lân khi nhân vật “tôi” hỏi về bé Nết: <i>ngọn đèn trên tay mẹ bỗng rung rung; ánh lửa trắng bệch ra trên cặp môi mấp máy; nỗi đau ghê gớm cố nén chặt đang hiện trên khuôn mặt mẹ; hai giọt nước mắt ứa ra, nặng trĩu, lăn xuống đôi gò má rần reo; mẹ Lân ngồi tựa chiếc cần vó, không động đậy; đôi mắt già nua phản chiếu ánh lửa nhìn qua vai tôi, vào cái khoản tối mênh mông, phía ngôi nhà cũ.</i></p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời đúng từ 03 chi tiết trở lên: 0,75 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời đúng 02 chi tiết: 0,5 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời đúng 01 chi tiết: 0,25 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời sai: 0,0 điểm</p>	0,75
3	<p>- Biện pháp tu từ liệt kê: tiếng thét, tiếng la khóc, lửa đỏ cháy bùng bùng, một cụm khói đen.</p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Tăng sức gợi hình, gợi cảm, nhịp điệu và sức biểu đạt cho câu văn.</p> <p>+ Khắc họa một cách sinh động, chi tiết cảnh tượng xóm nhà thờ khi bị máy bay địch tàn phá, huỷ diệt.</p> <p>+ Thể hiện nỗi đau xót của tác giả cho mảnh đất vốn bình yên nay bị máy bay giặc Mỹ tàn phá ghê gớm.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Chỉ ra phép liệt kê: 0,25 điểm</p> <p>- Nêu tác dụng:</p> <p>+ Học sinh nêu được 01 tác dụng: 0,25 điểm.</p> <p>+ Học sinh không nêu được tác dụng hoặc trả lời không thuyết phục: 0,0 điểm</p>	1,0
4	<p>Câu “Em Nết mất, kẻ thù đã dứt đi một phần da thịt, vậy mà mẹ vẫn đủ bình tâm làm việc, còn lo tôi ko có chỗ ngủ.” cho ta thấy bản lĩnh, sự kiên cường, sự hy sinh thầm lặng của mẹ Lân; người mẹ đã nén chặt nỗi đau để lo cho bộ đội và tiếp tục chiến đấu với kẻ thù.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời tương đương 01 ý trong đáp án: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p>	1,0
5	<p>Tình cảm, thái độ của người kể chuyện với nhân vật mẹ Lân thể hiện qua đoạn văn:</p> <p>- Xót xa, xúc động trước những đau thương, mất mát của mẹ; đồng cảm thấu hiểu lòng căm thù dồn nén chứa trong tâm hồn mẹ.</p> <p>- Trân trọng, ngợi ca, tự hào và tôn vinh vẻ đẹp của người mẹ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời đúng 01 ý trong đáp án: 0,5 điểm</p>	0,5

		- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	
	6	<p>- Học sinh nêu được cách ứng xử của nhân vật mẹ Lân trước những mất mát, đau buồn: nén chặt nỗi đau, biến đau thương thành sức mạnh, hành động.</p> <p>- Học sinh bày tỏ được suy nghĩ của bản thân về cách ứng xử nên có trước nỗi buồn trong cuộc sống.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh nêu được cách ứng xử của nhân vật mẹ Lân trước nỗi đau: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh bày tỏ quan điểm:</p> <p>+ Học sinh bày tỏ được suy nghĩ, diễn đạt thuyết phục, mạch lạc, giàu cảm xúc: 0,5 điểm.</p> <p>+ Học sinh bày tỏ được suy nghĩ nhưng diễn đạt còn chung chung, chưa mạch lạc: 0,25 điểm.</p> <p>+ Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p>	1,0
II		VIẾT	5,0
		Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về việc sử dụng thời gian có hiệu quả.	
		<p>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</p> <p>Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.</p>	0,5
		<p>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</p> <p>Sử dụng thời gian có hiệu quả.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh xác định đúng vấn đề nghị luận: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.</p>	0,5
		<p>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</p> <p>Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng:</p> <p>* Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.</p> <p>* Thân bài:</p> <p>- Giải thích: Sử dụng thời gian hiệu quả là cách sắp xếp, tổ chức thời gian hợp lí để đạt được mục tiêu, hiệu quả cao nhất.</p> <p>- Bàn luận:</p> <p>+ Sử dụng thời gian hiệu quả: Bởi thời gian vô hạn nhưng cuộc sống con người là hữu hạn; áp lực công việc ngày càng nhiều;</p> <p>+ Sử dụng thời gian hiệu quả: Nhanh đạt được mục tiêu, tránh stress do áp lực công việc, duy trì sự cân bằng cuộc sống....</p> <p>- Mở rộng vấn đề, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác: Tránh lãng phí thời gian; sử dụng thời gian không đúng mục đích; cần phân biệt sử dụng thời gian hiệu quả với việc lệ thuộc hay sống gấp, sống vội vã,....</p> <p>- Cách sử dụng thời gian hợp lí: Nhận thức được tầm quan trọng của thời gian; luôn chủ động, lập kế hoạch cụ thể rõ ràng; tự kiểm soát, đánh giá hiệu quả sử dụng; ứng dụng công nghệ,....</p>	3,0

	<p>* Kết bài: Khẳng định lại về tầm quan trọng của việc sử dụng thời gian hiệu quả; liên hệ bản thân.</p> <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (2,5 điểm - 3,0 điểm). - Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (1,25 điểm - 2,25 điểm). - Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm - 1,0 điểm). 	
	<p>d. Diễn đạt</p> <p>Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp. 	0,5
	<p>đ. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
Tổng cộng (I + II)		10,0

Lưu ý khi chấm bài:

Giáo viên cần nắm vững yêu cầu chấm để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh, tránh đếm ý cho điểm một cách máy móc, linh hoạt trong việc vận dụng Hướng dẫn chấm.

----- Hết -----

ĐỀ 3	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: NGỮ VĂN 12
-------------	--

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

Bạn thân mến, có phải đại đa số chúng ta từng nghĩ mọi căn nhà đều có một cánh cửa và mọi thứ trên đời đều có sẵn một khuôn thước nhất định. Ví dụ như ai cũng cần phải học giỏi, phải đạt điểm mười, phải nghe lời bố mẹ, phải có công việc ổn định, phải kết hôn. Cũng như may mắn chỉ ở trên trời rơi xuống.

Có phải vậy không?

Nhưng bạn biết không, mọi sự may mắn trên đời không bỗng dưng mà có, đều là từ bạn hết đây. Như căn nhà mà bạn nghĩ rằng chỉ có duy nhất một cánh cửa ấy, thực ra có rất nhiều cánh cửa khác, cần bạn phá vỡ. [...]

Sự ổn định đã khiến cho tất cả chúng ta rơi vào cạm bẫy “an toàn”, sự an toàn giả tạo đó nó chỉ khiến chúng ta sống và làm việc theo bản đồ định sẵn. Không cần cố gắng quá nhiều, hay thay đổi bản thân quá nhiều, vẫn đạt được các kết quả nhất định đã khiến chúng ta ngừng tư duy, ngừng tư duy thì sẽ dừng sự vận động và các hoạt động khác trong sự phát triển, kích thích trí não rồi dẫn đến sự chán chường. Chán chường bởi công việc lặp đi lặp lại, kỹ năng giảm dần tại chỗ, sống thiếu lý tưởng, mục đích. Sự ổn định đang trở thành một chiếc gông cùm cho tư duy và khiến cuộc đời chúng ta đứng im.[...]

Chính vì thế đừng bao giờ nghĩ rằng mọi thứ đều có sẵn, may mắn đến từ việc bạn sẵn sàng từ bỏ thói quen cũ để đón nhận thói quen mới, và may mắn cũng thực sự đến khi bạn dám phá vỡ sự ổn định, tìm một lối đi riêng, khác biệt hơn đám đông ngoài kia.

(Trích *May mắn có phải là bổng dư mà có?* Nguyễn Anh Dũng, *Tư duy ngược*, NXB Dân trí, 2021, tr.11,17,21)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Vấn đề trọng tâm được đề cập đến trong đoạn trích là gì?

Câu 3. Theo tác giả, sự ổn định sẽ khiến chúng ta rơi vào trạng thái, hoàn cảnh như thế nào?

Câu 4. Việc sử dụng bằng chứng “*Ví dụ như ai cũng cần phải học giỏi, phải đạt điểm mười, phải nghe lời bố mẹ, phải có công việc ổn định, phải kết hôn*” trong đoạn trích có tác dụng gì?

Câu 5. Nội dung nghị luận trong đoạn trích có mối quan hệ như thế nào với nhan đề văn bản?

Câu 6. Anh/chị có đồng tình với ý kiến “*may mắn cũng thực sự đến khi bạn dám phá vỡ sự ổn định, tìm một lối đi riêng, khác biệt hơn đám đông ngoài kia.*” không? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) bàn về sự cần thiết phải có một thái độ sống đúng đắn của tuổi trẻ ngày nay.

GỢI Ý

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Nghị luận/Phương thức nghị luận Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,75 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm	0,75
	2	Vấn đề trọng tâm được đề cập đến trong đoạn trích là: <i>May mắn có phải là bổng dư mà có?</i> / sự ổn định không phải lúc nào cũng tốt, thậm chí còn trở thành rào cản cho sự phát triển cá nhân và cơ hội đón nhận may mắn/ phê phán lối tư duy khuôn mẫu và cảnh báo sự nguy hiểm của việc quá lệ thuộc vào sự ổn định; từ đó khuyến khích con người dám phá bỏ giới hạn cũ, chủ động tạo dựng may mắn bằng chính hành động đổi mới của bản thân... Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,75 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm	0,75
	3	- Theo tác giả, sự ổn định sẽ: <i>khiến cho tất cả chúng ta rơi vào cạm bẫy “an toàn”</i> Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm	1,0
	4	- Bằng chứng “ <i>Ví dụ như ai cũng cần phải học giỏi, phải đạt điểm mười, phải nghe lời bố mẹ, phải có công việc ổn định, phải kết hôn</i> ”.	1,0

	<p>- Tác dụng:</p> <p>+ Nhân mạnh sự tồn tại của những suy nghĩ mang tính khuôn mẫu, khuôn thước trong tư tưởng con người, giúp họ hiểu ra những điều tưởng chừng như “đúng đắn” lại có thể là rào cản vô hình...</p> <p>+ Làm nổi bật thông điệp của tác giả về sự cần thiết phải phá bỏ lối mòn tư duy</p> <p>+ Giúp việc triển khai luận đề trở nên sinh động, hấp dẫn; tạo sự thuyết phục cho lập luận.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- HS trả lời 03 ý như đáp án/diễn đạt tương đương: 1,0 điểm</p> <p>- HS trả lời được 02 ý như đáp án/03 ý nhưng còn chung chung: 0,5-0,75 điểm - HS trả lời được 01 /02 ý nhưng sơ sài, không rõ ràng: 0,25 điểm</p> <p>- HS không trả lời hoặc trả lời sai: 0 điểm</p>	
5	<p>- Mối quan hệ:</p> <p>+ Nhan đề một câu hỏi tu từ mang tính gợi mở, nêu vấn đề, định hướng nội dung bàn luận.</p> <p>+ Nội dung trả lời cho câu hỏi “<i>May mắn có phải là bổng dư mà có?</i>” làm sáng tỏ và củng cố thông điệp từ nhan đề, đồng thời mở rộng suy ngẫm về hành trình tự tạo ra cơ hội và may mắn trong cuộc sống.</p> <p>+ Mối quan hệ chặt chẽ, logic, tăng tính thuyết phục Hướng dẫn chấm:</p> <p>- HS trả lời 03 ý như đáp án/diễn đạt tương đương: 1,0 điểm</p> <p>- HS trả lời được 02 ý như đáp án/03 ý nhưng còn chung chung: 0,75 điểm - HS trả lời được 01/02 ý nhưng chung chung: 0,5 điểm</p> <p>- HS trả lời chung chung: 0,25 điểm</p> <p>- HS không trả lời hoặc trả lời sai: 0 điểm</p>	1,0
6	<p>- HS bày tỏ quan điểm cá nhân, lí giải hợp lí, thuyết phục, chẳng hạn:</p> <p>- Đồng tình vì:</p> <p>+ May mắn không phải là phép màu mà là kết quả của sự dũng cảm dám thay đổi.</p> <p>+ Khi con người thoát ra khỏi vùng an toàn, họ sẽ đối diện với thử thách, nhưng cũng chính là lúc họ phát hiện tiềm năng mới, kỹ năng mới, cơ hội mới. Trong xã hội biến động không ngừng như hiện nay, việc tìm một lối đi riêng chính là điều kiện để bứt phá và tạo ra giá trị khác biệt.</p> <p>+ Nhiều người thành công là những người dám đi ngược dòng, từ bỏ khuôn mẫu để sáng tạo và dẫn đầu.</p> <p>- Không đồng tình vì:</p> <p>+ Không phải ai cũng có điều kiện để phá vỡ sự ổn định. Việc “phá vỡ ổn định” đôi khi có thể trở thành gánh nặng tâm lý hoặc gây nguy</p>	0,5

		<p>hiếm nếu người đó không có đủ năng lực, kiến thức hoặc phương án dự phòng.</p> <p>+ Không phải lúc nào “khác biệt” cũng dẫn đến thành công hay may mắn. May mắn không chỉ đến từ sự khác biệt, mà còn đến từ việc nỗ lực trong chính công việc ổn định, rèn luyện kỹ năng hàng ngày.</p> <p>+ Phá vỡ sự ổn định quá sớm có thể gây khủng hoảng tâm lý, thất bại.</p> <p>=> May mắn thực sự đến từ sự phù hợp, từ những quyết định cân nhắc giữa khả năng – hoàn cảnh – mục tiêu. Có khi đó là sự bứt phá, nhưng cũng có khi lại là sự kiên định, nhẫn nại trong ổn định</p> <p>- Vừa đồng tình và không đồng tình: vận dụng cả 02 nội dung gợi ý trên</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- HS nêu và bày tỏ quan điểm: 0,25 điểm</p> <p>- HS lí giải hợp lí, thuyết phục: 0,75 điểm</p> <p>- HS lí giải chung chung, chưa thật thuyết phục: 0,25 - 0,5 điểm</p> <p>- Không trả lời: 0 điểm</p>	
II		LÀM VĂN	
		Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về sự cần thiết phải có một thái độ sống đúng đắn trong cuộc sống.	5,0
		<p>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</p> <p>Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn: 0,5 điểm.</p> <p>- Chưa bảo đảm đầy đủ yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn: 0,25 điểm.</p>	0,5
		<p>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</p> <p>Sự cần thiết phải có một thái độ sống đúng đắn trong cuộc sống.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh xác định đúng vấn đề nghị luận: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.</p>	0,5
		<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:</p> <p>*Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý:</p> <p>- Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận: Có phải chăng khi đã thay đổi thái độ sống, thay đổi cách nhìn cuộc đời là ta đã chạm được vào cánh cửa của sự thành công, biến những ước mơ, khát khao ấp ủ bấy lâu thành hiện thực? Và tất yếu, cần thiết phải có một thái độ sống đúng đắn.</p> <p>- Thân bài: Thể hiện quan điểm của người viết về sự cần thiết phải có một thái độ sống đúng đắn trong cuộc sống. Có thể theo một số gợi ý sau:</p> <p>+ Thái độ sống đúng đắn là thước đo giá trị con người.</p>	3,0

	<p>+ Thái độ sống đúng đắn là cần thiết để con người khẳng định vị thế, làm giàu trí tuệ, tâm hồn, lối sống, nhân cách, từng bước hoàn thiện bản thân.</p> <p>+ Thái độ sống đúng đắn là cần thiết để con người tạo dựng mối quan hệ tốt đẹp, sống có ý nghĩa, lan tỏa những việc tử tế,...</p> <p>- Kết bài: Khẳng định lại quan điểm đã trình bày: có một thái độ sống đúng đắn trong cuộc sống là cần thiết, tất yếu có ý nghĩa để khẳng định giá trị của bản thân, giúp mỗi chúng ta sống trọn vẹn, đủ đầy, hạnh phúc, yêu thương và chia sẻ,...</p> <p>* Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của đoạn văn.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (2,5 điểm - 3,0 điểm).</i></p> <p>- <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (1,25 điểm - 2,25 điểm).</i></p> <p>- <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm - 1,0 điểm).</i></p>	
	<p>d. Diễn đạt:</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,5
	<p>đ. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- <i>HS huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về vấn đề cần nghị luận; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.</i></p> <p>- <i>Đáp ứng được 02 yêu cầu trở lên: đạt 0,5 điểm.</i></p>	0,5
Tổng điểm		10,0

ĐỀ 4

ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026

MÔN: NGỮ VĂN 12

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

(1) Những mặt đá phập phồng như giọt máu
Đang neo chặt lại giữa biển trời
Những cánh chim bay mát lành mặt cát
Nhịp bồi hồi cùng nhịp trái tim tôi

Trường Sa dừ dừ sóng gió chẳng xa xôi
 Lá phong ba xanh mắt người lính đảo
 Cát Trường Sa trắng màu vai áo
 San hô đỏ màu máu đỏ
 Chảy nồng nàn từ dòng máu mẹ cho

(2) Anh đã mang về từ Trường Sa những tấm ảnh hiện lên từ lốc cát
 Từ bão xô gió giạt
 Từ sương mù đậm đặc
 Từ khói súng bất ngờ [...]
 Như người lính kiên nhẫn lặng im
 Anh đặt tay lên nút bấm máy ảnh như đặt vào cò súng Trường Sa trôi lên, Trường Sa chìm xuống
 Trái tim đã chọn đứng tầm nhìn
 Trường Sa đầy một dáng đứng yêu thương

Những tấm ảnh treo ở phố Ngô Quyền Đâu còn là của riêng người nghệ sĩ
 Trường Sa đau thương, Trường Sa gian khổ Gắn kề vừa trong một cánh tay ôm.

(Trích: **Những tấm ảnh Trường Sa**, Nguyễn Thành Phong, nguồn: Kho âm thanh, Đài TNVN)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 6 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định nhân vật trữ tình của văn bản?

Câu 2. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của văn bản?

Câu 3. Những hình ảnh nào về thiên nhiên Trường Sa được tác giả nói tới trong đoạn (1)?

Câu 4. Anh/ chị hiểu được điều gì về cuộc sống của người lính Trường Sa qua các dòng thơ:

Anh đã mang về từ Trường Sa những tấm ảnh hiện lên từ lốc cát

Từ bão xô gió giạt

Từ sương mù đậm đặc Từ khói súng bất ngờ.

Câu 5. Tác giả thể hiện cảm xúc gì đối với quần đảo Trường Sa và những người lính Trường Sa?

Câu 6. Từ nội dung văn bản, anh/ chị có suy nghĩ gì về trách nhiệm của tuổi trẻ hôm nay đối với đất nước?

II. PHẦN VIẾT (5,0 điểm)

Phê phán người khác thì dễ, tự biết mình để thay đổi những thói xấu của bản thân mới khó.

Viết bài văn (600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề tự nhận thức bản thân.

ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 2

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0
	1	Nhân vật trữ tình của văn bản: người lính đảo Trường Sa (nhân vật <i>anh</i>) Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,75 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,75
	2	Dấu hiệu để xác định thể thơ của đoạn trích: Số chữ trong các dòng thơ không bằng nhau là dấu hiệu để xác định thể thơ tự	0,75

	do. Hướng dẫn chấm: - Trả lời được như đáp án: 0,75 điểm - Trả lời được tên thể thơ: 0,25 điểm - Trả lời được dấu hiệu xác định thể thơ: 0,5 điểm - Không trả lời/ trả lời sai: 0 điểm	
3	Những hình ảnh về thiên nhiên Trường Sa được tác giả nói tới trong đoạn (1) là: đá, cánh chim, sóng gió, lá phong ba, cát, san hô. Hướng dẫn chấm: - Trả lời đúng 1 hình ảnh, từ ngữ: 0,25 điểm - Trả lời đúng 2-3 hình ảnh, từ ngữ: 0,5 điểm - Trả lời đúng 4 hình ảnh, từ ngữ: 0,75 điểm - Trả lời đúng 5-6 hình ảnh, từ ngữ: 1,0 điểm	1,0
4	Qua các dòng thơ: <i>Anh đã mang về từ Trường Sa những tấm ảnh hiện lên từ lốc cát</i> <i>Từ bão xô gió giạt</i> <i>Từ sương mù đậm đặc Từ khói súng bất ngờ</i> Ta thấy được cuộc sống gian khổ của những người lính Trường Sa: họ thường xuyên phải đối mặt với thiên nhiên khắc nghiệt, dữ dội, đối mặt với kẻ thù. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm	1,0
5	Tác giả thể hiện cảm xúc yêu thương tha thiết với quần đảo Trường Sa; thể hiện sự đồng cảm đối với những gian khổ mà người lính Trường Sa phải đối mặt, đồng thời cũng tự hào về họ. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/2 số ý: 0,25 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5
6	Suy nghĩ về trách nhiệm của tuổi trẻ hôm nay đối với đất nước: - Tuổi trẻ là chủ nhân tương lai của đất nước, do vậy, cần có trách nhiệm với đất nước. - Tuổi trẻ cần ra sức học tập để mai này cống hiến cho đất nước; biết hy sinh khi Tổ quốc cần; biết quảng bá hình ảnh của đất nước với bạn bè quốc tế. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 2 ý: 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1,0

		<i>(Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm)</i>	
II		VIẾT	5,0
		Phê phán người khác thì dễ, tự biết mình để thay đổi những thói xấu của bản thân mới khó. Viết bài văn (600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề tự nhận thức bản thân.	5,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài, đảm bảo bố cục và dung lượng Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,5
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Vấn đề tự nhận thức bản thân mình.	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Xác định được các ý chính của bài viết. - Sắp xếp được các ý theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn nghị luận. * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: - Giải thích: Tự nhận thức bản thân là biết cách nhìn nhận, đánh giá đúng đắn, trung thực về cảm xúc, thái độ, hành động, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân mình; không quá đề cao cũng không quá hạ thấp bản thân. - Bàn luận: Tại sao cần phải tự nhận thức bản thân mình? + Việc tự nhận thức bản thân đúng đắn giúp mỗi người phát huy được năng lực, sở trường và khắc phục những hạn chế, khuyết điểm, ngày càng tự hoàn thiện mình. + Giúp mỗi người có một tâm lí thoải mái, vui vẻ, hài lòng với cuộc sống của mình, tránh tự ti, mặc cảm. + Giúp ta có một cái nhìn tích cực về mọi vấn đề trong cuộc sống: chấp nhận sự khác biệt của mình và những người khác, nhìn thấy giá trị riêng của mỗi người; nhìn thấy hi vọng trong thất bại... HS đưa ra dẫn chứng chứng minh. - Làm thế nào để có thể tự nhận thức đúng đắn về bản thân? + Cần nhìn nhận bản thân theo hướng khách quan, không thiên vị, không quá khắt khe về bản thân. + Đặt ra cho mình một hệ giá trị đúng đắn để theo đuổi để không dễ bị sa ngã, chệch hướng trước cám dỗ. + Lắng nghe những lời góp ý của mọi người xung quanh về bản thân mình với thái độ cầu thị, cả những lời khen và lời chê. + Hãy dành thời gian cuối mỗi ngày để nhìn lại những gì ta đã làm trong một ngày, đánh giá ưu điểm và điểm cần khắc phục.	3,0

	<p>Thực hiện việc tự phê bình chính mình mỗi ngày.</p> <p>...</p> <p>- Mở rộng vấn đề: Bên cạnh những người đã biết cách tự nhận thức đúng đắn về bản thân thì có những người chưa biết tự nhận thức đúng về chính mình. Tự đánh giá thấp bản thân mình dễ dễ rơi vào trạng thái tự ti, mặc cảm, nhút nhát. Có người lại tự đề cao quá giá trị bản thân dễ dẫn tới việc kiêu căng, tự mãn về chính mình.</p> <p>* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân: Mỗi chúng ta nên biết chấp nhận toàn bộ con người mình. Có ý thức và hành động phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu để hoàn thiện bản thân.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (2,5 điểm - 3,0 điểm).</i></p> <p>- <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (1,25 điểm - 2,25 điểm).</i></p> <p>- <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm - 1,0 điểm).</i></p>	
	<p>d. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,5
	<p>đ. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5

ĐỀ 5

ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026

MÔN: NGỮ VĂN 12

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

(Tóm tắt vở kịch: *Dương Lễ và Lưu Bình* là hai người bạn thân từ thuở thiếu thời. Hai người cùng dùi mài kinh sử và cùng đi thi, nhưng chỉ Dương Lễ đỗ đạt. Lưu Bình sinh ra buồn chán. Dương Lễ muốn giúp bạn thi lại, nên đã dùng kế khích tướng, ngoài mặt tỏ ra khinh bỉ Lưu Bình, nhưng bên trong bí mật sai vợ của mình là Châu Long đi theo giúp Lưu Bình để chàng có thời gian và tiền bạc để ôn thi. Năm đó Lưu Bình đỗ làm quan. Dương Lễ cho mời Lưu Bình đến chơi. Trong buổi gặp mặt này, Lưu Bình mới biết Châu Long là vợ của Dương Lễ. Lưu Bình vô cùng cảm động và kính phục trước tấm lòng của hai người dành cho mình).

DƯƠNG LỄ: – Ta có người bạn thiết

Tên gọi Lưu Bình Nghĩa trong phé phủ
 Ta cũng có của giúp anh em no đủ
 Nhưng đủ no lại nhặng việc học hành
 Ấu là ta giả cách vô hình
 Chịu tiếng bạc cho anh em càng tủi cực
 Anh em có giận ta, mới học hành ra sức
 Trong ba nàng, cậy một nàng thân tín đi nuôi
 Nàng nào khả đỡ anh việc ấy?

BÀ CÁ: – Bẩm lạy quan,
 Thiếu chi điều cho bạn được nhờ
 Cổ kim nay có thể bao giờ
 Đi nuôi bạn thật điều rất khó
 Số bạn quan còn muôn măn vất vả
 Có lẽ đâu nuôi mãi được ru
 Thế gian nay nam nữ đồng cư
 Tiếng tắm ấy rửa sao cho sạch
 Như điều ấy thì tôi xin khước Có nên ra mặc ý hai dì...

DƯƠNG LỄ: – Nàng cả đã nói vậy, nàng hai ý thế nào?

BÀ HAI: – Trình lạy quan,
 Phận tiểu tinh bên gối, ngoài màn
 Có lẽ nào sửa vượt qua đấng
 Lời em nói cũng như lời chị cả.

DƯƠNG LỄ: – Nàng cả, nàng hai đã từ nan trước Châu Long em,
 Nàng có đi thì nàng cũng nói
 Để cho anh đành dạ cậy trông
 Sách có câu: nữ hữu tam tông
 Nam nữ đồng cư: nam nữ ở chung một nhà.
 Tiểu tinh: vợ bé
 Còn bé nhỏ tại gia tông phụ
 Khi lớn khôn xuất giá tông phụ.

CHÂU LONG (nói sù): – Trăm lạy chàng, Chàng dạy đi dặm liễu đường cù
 Thiếp chẳng quản công phu khó nhọc
 Thiếp vâng lời chàng đi nuôi bạn học
 Nhưng đi làm sao, về lại làm sao?
 Thiếp sợ chàng quân tử chí cao
 Dạ như bề dơ sao cho xiết
 Thiếp sợ mình: lửa gần rơm lâu ngày cũng bén
 Uống công chàng mà lỗi đạo tào khang11
 Đục pha trong, thau lẫn với vàng
 Đành phận thiếp, hổ mặt chàng quân tử.

DƯƠNG LỄ: – Việc nàng đi ta đã tính trước
 Nếu hồ nghi ta đã chẳng sai đi
 Người quân tử có nghĩ chi chuyện ấy
 Ba nén vàng nàng thời nhận lấy

Nuôi bạn anh cho cơm áo no lòng

Rồi sau sẽ tìm đường trở lại...

CHÂU LONG: – *Bầm lạp quan, Quan đã hết lòng cùng bạn*

Thiếp đây xin gắng sức cùng chồng

Dẫu kíp chầy12 thiếp chẳng ngại công

Lòng thiếp có đôi vàng nhật nguyệt

Nỗi riêng tây kể sao cho xiết

Tâm là lòng, ý cũng là lòng

Thiếp xin trở về tiết giá sạch trong

Danh thơm để lưu hương thiên cổ.

(Trích: **vở chèo Lưu Bình Dương Lễ**, Hà Văn Cầu sưu tầm và chú thích, NXB Văn Hóa, Hà Nội, 1976)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5

Câu 1. Ghi lại lời chỉ dẫn sân khấu được sử dụng trong văn bản trên?

Câu 2. Kể tên kiểu câu theo mục đích nói được sử dụng trong lời thoại sau:

DƯƠNG LỄ: – *Nàng cả đã nói vậy, nàng hai ý thế nào?*

Câu 3. Chỉ ra các hình thức ngôn ngữ kịch xuất hiện trong văn bản.

Câu 4. Với việc nhận lời đi nuôi bạn chồng, anh/ chị thấy Châu Long là người như thế nào?

Câu 5. Qua đoạn lời thoại:

Ta có người bạn thiết

Tên gọi Lưu Bình Nghĩa trong phé phủ

Ta cũng có của giúp anh em no đủ

Nhưng đủ no lại nhãng việc học hành

Ấu là ta giả cách vô hình

Chịu tiếng bạc cho anh em càng tủi cực

Anh em có giận ta, mới học hành ra sức

Anh/ chị có nhận xét gì về nhân vật Dương Lễ?

Câu 6. Từ văn bản trên, anh/ chị có suy nghĩ gì về vẻ đẹp của tình bạn?

II. PHẦN VIẾT (5,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá về nội dung và hình thức nghệ thuật của truyện ngắn sau:

Chú Bé Rắc Rối

Kể từ hôm đó, tôi và An tự nhiên chơi thân với nhau mặc dù không đưa nào nhắc đến chuyện giúp đỡ nhau học tập. Trong khi các cặp khác lúc nào cũng túm tụm lại ở góc lớp hay ở các gốc cây trong sân trường để cùng giải bài tập hay truy bài lẫn nhau, thì hai đứa tôi cứ kẻ nhau đi đá bóng, tung cầu hoặc ngồi đấu láo trong căng-tin.

.....

Theo mưu kế của tụi tôi, hôm nào có các tiết học "dễ chịu" như môn địa của cô Nga, môn sử của cô Hồng Lăng, môn sinh vật của thầy Lưu chẳng hạn, thì thằng An cố gò mình học bài cho thiệt thuộc. Tới lớp, khi kiểm tra bài cũ, đợi thầy cô hỏi "em nào thuộc bài?" thì An xung phong giơ tay liền.

Nó đã làm như vậy hai ba lần. Lần nào cũng thành công rực rỡ. Vì đã chuẩn bị trước, nó trả bài ro ro, nhuyễn như cháo. Hành động anh hùng của An khiến cả lớp trở mắt. Các thầy cô cũng ngạc nhiên tột bậc. Ai đời một học sinh chẳng bao giờ thêm ngó ngang đến bài vở, coi điểm

một điểm hai là bạn bè thân thiết của mình, bỗng vụt một cái trở thành một đũa gương mẫu, giơ tay xin lên bảng trả bài, bảo ai không bằng hoàng cho được! Thăng Vương, nhỏ Tuyết Vân và thằng Nhuận nhìn An ánh mắt đầy thiện cảm. Tất nhiên, tôi cũng được hưởng lây vinh quang của nó. Trước mặt tụi bạn, hai đũa tôi đúng là một cặp cùng tiến mẫu mực, đáng cho các cặp khác học tập..... Còn với các môn có thực hành kiểm tra như toán, văn, vật lý, hóa học, sinh ngữ... thì tôi chỉ có mỗi cách "hộ trợ" An là cho nó... cóp-pi.

Đối với các học sinh lười, cóp-pi đã trở thành một nghề. Và vì là một nghề, kỹ thuật sao chép đã được nâng lên đến mức điêu luyện. Chỉ cần thằng bạn hờ hênh trong một tích tắc, đũa ngồi bên cạnh đã thu thập đầy đủ những con số và dữ kiện cần thiết cho bài làm của mình, không sai một mảy may.

Hướng hồ gì ở đây, hai đũa tôi lại đồng lõa với nhau. Mỗi lần làm bài tập, An cũng giả bộ hí hoáy tính toán để che mắt thiên hạ. Đợi đến khi cả lớp chú tâm làm bài, không ai để ý xung quanh, tôi sẽ sẹ nhấc tay lên cho nó "chụp hình" bài làm của tôi. Mà cái thằng này, làm bài thì dốt mà liếc bài làm của người khác thì nó lại tỏ ra thông minh, nhanh nhạy quá cỡ. Đảo mắt qua một cái là nó ghi lại trúng phóc, thật là tài! Chúng tôi cứ "cùng tiến" với nhau như vậy một thời gian, chẳng có ai phát hiện.

Mãi đến khi xảy ra chuyện sau đây thì mọi sự mới đổ bể.

.....

Hôm nay, đó là "vụ án" tôi và An.

Tuyết Vân lên tiếng trước:

- Trước đây, cô Nga đã phân công bạn Nghi kèm cặp, giúp đỡ cho bạn An trong học tập. Nhưng trong thời gian qua, bạn Nghi đã không hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hai bạn thường xuyên bỏ học, rủ nhau đi chơi. Đã vậy, đến lớp bạn Nghi còn cố tình cho bạn An cóp-pi để đánh lừa mọi người. Theo tôi, đó là một hành động cần phê phán.

Tiếp theo là cái giọng éo éo của thằng Nhuận:

- Sự thiếu trách nhiệm trong việc giúp đỡ bạn của Nghi đã được đưa ra phân đội đóng góp một lần rồi nhưng rõ ràng bạn Nghi không hề sửa chữa.

Tới phiên thằng Vương "kết án" tôi:

- Nếu sự gian lận không bị phát hiện trong giờ toán vừa rồi thì chẳng hiểu bạn Nghi sẽ "qua mặt" chúng ta đến bao giờ!

Tôi ngồi nghe, cứng họng không nói được một câu. Thằng An ngồi cạnh tôi cũng im thin thít. Nhưng "hình phạt" chưa phải đã hết. Sau đó, đến lượt một số đũa trong lớp có ý kiến. Chẳng có ý kiến nào bênh vực cho hai đũa tôi.

Nguyễn Nhật Ánh

(Nhà văn Nguyễn Nhật Ánh sinh ngày 7 tháng 5 năm 1955 tại làng Đo Đo, xã Bình Quế, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Hai mươi năm trở lại đây, ông tập trung viết văn xuôi, chuyên sáng tác về đề tài thanh thiếu niên.

Phong cách viết văn của Nguyễn Nhật Ánh rất rõ ràng, đó là một hồn văn đau đáu không nguôi về một thời đã qua, luôn khắc khoải bởi tuổi thơ của chính mình và của mọi người.

Tên tuổi của ông được nhiều người biết đến hơn là nhờ vào tác phẩm **Chú bé rắc rối** được phát hành vào năm 1989. Năm 1990, tác phẩm này được trao tặng giải thưởng Văn học Trẻ hạng A bởi Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh)

-----Hết-----

GỢI Ý:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Lời chỉ dẫn sân khấu được sử dụng trong văn bản: (nói sử) Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,75 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,75
	2	Dương Lễ nhờ Châu Long đi nuôi bạn mình là Lưu Bình ăn học thành tài. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án hoặc dẫn câu văn khác đúng yêu cầu (lời của người kể chuyện và lời của nhân vật): 0,75 điểm - Trả lời đúng 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm	0,75
	3	Các hình thức ngôn ngữ kịch xuất hiện trong văn bản: - Ngôn ngữ đối thoại - Ngôn ngữ độc thoại Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án hoặc dẫn câu văn khác đúng yêu cầu (lời của người kể chuyện và lời của nhân vật): 1,0 điểm - Trả lời đúng 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm	1,0
	4	Nhận xét về nhân vật Dương Lễ: – Là một người hết lòng vì bạn bè; – Là một người biết suy xét, tính toán hợp tình hợp lý: chịu mang tiếng bội bạc để khích lệ tinh thần của bạn, để cho bạn vì giận mà sẽ quyết tâm học hành đỗ đạt. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm	1,0
	5	Nhận xét về nhân vật Châu Long: – Là người vợ hiền, chịu hy sinh vì chồng; – Là một người sâu sắc: khi nhận lời đi nuôi bạn chồng, nàng đã suy xét cặn kẽ mọi bề và bày tỏ điều đó với Dương Lễ: sợ không giữ được danh tiếng, sợ sau này chồng vì nghi ngờ mà hắt hủi. – Là một người phụ nữ trung trinh: Lòng thiếp có đôi vàng nhật nguyệt. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm	1,0

		<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án được 1/2 số ý: 0,5 - 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/3 số ý: 0,25 - 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm. 	
	6	<p>Suy nghĩ về vẻ đẹp của tình bạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tình bạn là một trong những thứ tình cảm bình đẳng và cao đẹp; – Tình bạn giúp con người có chỗ dựa, có động lực để vượt qua khó khăn, thử thách trong cuộc sống; – Tình bạn giúp con người hoàn thiện bản thân, trở nên cao thượng hơn. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 1 ý: 0,25 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm. <p>(Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm)</p>	0,5
II		VIẾT	5,0
	1	<p>Anh/chị hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của truyện ngắn</p>	5,0
		<p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của bài văn</p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn. Thí sinh có thể trình bày bài văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,5
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Phân tích, đánh giá những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của truyện ngắn “Chú bé rắc rối”</p>	0,5
		<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</p> <p>1. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Nhật Anh, tác phẩm “Chú bé rắc rối”. - Nêu nội dung khái quát cần phân tích, đánh giá. <p>+ An và Nghi là hai nhân vật chính của truyện</p> <p>+ Cả hai bạn vì muốn trở thành đôi bạn “cùng tiến” mẫu mực, đã thực hiện những việc làm sai trái</p> <p>2. Thân bài:</p> <p>a. Xác định chủ đề của tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẫn là những câu chuyện xoay quanh tuổi học trò, viết cho thiếu nhi, câu chuyện <i>Chú bé rắc rối</i> của Nguyễn Nhật Anh xoay quanh việc Nghi và An trở thành “đôi bạn cùng tiến” nhưng lại không làm đúng trách nhiệm. <p>b. Phân tích, đánh giá chủ đề của tác phẩm</p> <p>* Khái quát về tác phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình huống truyện: <p>+ Câu chuyện rắc rối về An và Nghi với phong trào “đôi bạn cùng tiến”. Nghi học giỏi và là một tấm gương sáng bao nhiêu thì An lại</p>	3,0

	<p>ham chơi và lười học bấy nhiêu, và những câu chuyện tréo ngoe bắt đầu xảy ra do Nghi phải trở thành gia sư bắt buộc dĩ của bạn An.</p> <p>+ An và Nghi vì những thú vui nhất thời mà quên mất việc học dẫn tới những điều tồi tệ về điểm số lẫn lòng tin của giáo viên chủ nhiệm và ban cán sự lớp.</p> <p>- Bối cảnh nhân vật:</p> <p>+ Nghi là học sinh gương mẫu với thành tích đáng ngưỡng mộ, gia đình luôn đưa ra lời khuyên giúp đỡ cậu trong cuộc sống học tập lẫn ngoài xã hội.</p> <p>+ An là học sinh kém do lơ là trong việc học tập với những suy nghĩ lệch lạc về học tập do gia đình không quá quan tâm vô hình chung làm lối suy nghĩ của cậu bị chệch hướng "...ăn học cho có, tốn cơm tốn gạo mà chẳng được tích sự gì....".</p> <p>* Nghi và An trở thành “đôi bạn cùng tiến” nhưng lại không làm đúng trách nhiệm.</p> <p>- Khi mới bước vào chuẩn vị thực hiện phong trào:</p> <p>+ Lo đi chơi: đá banh, tăng cầu, đấu láo trong căng tin,...</p> <p>+ An bị điểm xấu và cả hai buộc phải “học tập” thật sự.</p> <p>-> Cả An lẫn Nghi đều không có tinh thần trách nhiệm với đôi phương.</p> <p>=> An phải lãnh điểm xấu vì bản thân đã không chịu chăm chỉ học tập mà còn dụ dỗ bạn mình xuôi theo. Nghi phải bị chỉ trích và lãnh hình phạt vì không thực hiện đúng nghĩa vụ của bản thân là giúp đỡ bạn bè.</p> <p>* Nghi và An cùng những mảnh khoe qua mắt giáo viên.</p> <p>- Khi nào có các tiết học “dễ chịu”: Địa lí, Lịch sử, Sinh học thì An sẽ cố gồng mình học cho thật thuộc rồi xung phong trả bài -> Hành vi “học vẹt”, học để đối phó với giáo viên.</p> <p>- Khi có các môn kiểm tra: Toán, Ngữ văn, Hóa học,... thì Nghi sẽ cho An “cóp-pi” -> Hành vi hại bạn, cho bạn ỷ lại mà quên mất việc học cho bản thân.</p> <p>=> Mọi việc bị vỡ lẽ và cả hai bị kiểm điểm trước lớp, An sẽ được các bạn khác kèm cho nhưng cả hai đều nhận ra được những sai lầm của bản thân.</p> <p>* Nghi và An cần nhận lỗi và làm lại từ đầu.</p> <p>- Cần can đảm, thật lòng hối lỗi</p> <p>- Hai bạn cần nghiêm túc học tập, sửa sai, giúp đỡ bạn bè đúng tinh thần trách nhiệm.</p> <p>c. Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm</p> <p>- Tạo dựng cốt truyện thú vị, quen thuộc.</p> <p>- Sử dụng dấu ngoặc kép</p> <p>- Miêu tả tâm trạng, tính cách nhân vật</p> <p>- Nghệ thuật liệt kê được sử dụng một cách hiệu quả</p> <p>- Giọng văn dí dỏm, tạo hiệu ứng gây tiếng cười cho người đọc.</p> <p>d. Đánh giá tác dụng của những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm.</p> <p>- Biện pháp liệt kê, dấu ngoặc kép thể hiện sự mỉa mai nhấn mạnh việc Nghi và An trở thành “đôi bạn cùng tiến” nhưng lại không làm đúng trách nhiệm.</p>	
--	---	--

	<p>- Miêu tả tâm trạng, tính cách nhân vật chân thực qua từng lời nói thể hiện sự quan sát tỉ mỉ và am hiểu tâm lí tuổi trẻ của nhà văn.</p> <p>3. Kết bài:</p> <p>- Khái quát về giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm</p> <p>- Nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân hoặc cảm nghĩ sau khi đọc tác phẩm.</p> <p>- Câu chuyện là bài học quý báu về sự trung thực trong học tập.</p> <p>- Nêu cảm nhận về hai nhân vật và rút ra bài học cho bản thân trong tương lai và học tập.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (2,5 điểm - 3,0 điểm).</i></p> <p>- <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (1,25 điểm - 2,25 điểm).</i></p> <p>- <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm - 1,0 điểm).</i></p>	
	<p>d. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn</p>	0,5
	<p>đ. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
Tổng điểm		10,0

ĐỀ 6**ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026****MÔN: NGỮ VĂN 12****I. ĐỌC – HIỂU (5,0 điểm)****Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

Hôm nay mưa rét. Mỗi khi trời mưa rét Ninh lại nhớ đến bu. Hồi bu còn sống, những ngày mưa rét, không ra vườn hái trà, bóc mía hay làm cỏ được, bu hay mang cái bị giẻ và một ô quần áo rách vào ổ rơm ngồi vá. Bu Ninh khéo vá lắm. Những miếng vá đặt rất phẳng phiu, không răn rúm. Những mũi kim nhỏ, đều đặn và thẳng tắp. Người vô ý trông không biết là áo vá. Mà bu Ninh vá thật không biết gì là sót ruột. Ai đâu mà ngồi đến tê cả mông, mờ cả mắt cũng không thôi. Những lúc đau lưng quá, bu Ninh chỉ ngừng kim một lát, vươn vai hoặc bẻ lưng vào cái cạnh giường kê răng rắc, rồi lại cúi đầu xuống vá, vá hết cái này sang cái khác.

[...] Bu chết đã ngót ba năm. Thầy bảo thế. Thì ra ba năm cũng dài lắm nhỉ. Ninh cứ tưởng bu Ninh chết đã lâu lắm. Nhưng trách gì!... Xưa kia, những ngày bu đi chợ tỉnh, độ gần tối chưa về Ninh đã thấy mong. Ấy là mới vắng bu có một ngày. Mà nào đã hết cả ngày. Bây giờ vắng bu hẳn hoi những ba năm. Bao nhiêu ngày tháng! Ninh thấy lâu là phải. Biết bao giờ mẹ lại về với con? Ninh bâng khuâng cả người. Y như là nằm mơ ấy là Ninh đã nguôi nguôi đấy. Hồi mẹ

Ninh mới chết, cứ nghĩ đến mẹ là Ninh khóc. Ninh khóc ằng ặc như người nuốt phải ngum gì đắng quá, nó quánh vào cổ họng. Khóc đến lặng hẳn người đi, không còn ra tiếng nữa. Chẳng ngày nào không thể. Mỗi ngày hai, ba lần.

[...] Bây giờ thì Ninh không khóc nữa. Nhưng Ninh vẫn còn buồn lắm. Buồn rữ rĩ. Ninh ngo ngẩn như mất vía. Có lúc Ninh làm gì mà cũng không biết nữa. Ninh vừa cắt con dao hay cái chổi, giá thầy Ninh có hỏi, Ninh đã lại chẳng biết đâu mà lấy. Thầy Ninh cũng hiểu Ninh nhớ mẹ, nên không nổi mắng. Thầy rần rần nước mắt. Bố nhìn con, con nhìn bố. Hai bố con cùng cúi đầu lẳng lẳng. Bố thở dài và con thở dài...

[...] Không có ăn thì nhịn! Ninh nhịn từ bữa chiều hôm qua. Đậ khóc, Ninh đi moi được một củ dong về nướng. Đậ một nửa. Ninh một nửa. Ninh bảo Đậ ăn cho đỡ đói thôi, còn cố nhịn, đợi thầy về, ăn nữa. Nhưng Đậ không nhịn được. Đậ chạy sang nhà bác Vụ. Bác ấy phải lấy trộm nắm cơm tối của thằng cu Chúc nhà bác ấy, đưa cho Đậ, Đậ mới ăn được một miếng thì Chúc biết. Chúc chạy vào nhà tìm nắm cơm của nó. Thấy mất, nó biết là nắm cơm của nó đương ở trong tay Đậ. Nó chạy theo, giằng lại. Đậ mất ăn, mếu xệch mồm đi, chạy về. Ninh đứng ở hè bên này, trông rõ cả. Ninh tức lắm. Chẳng biết tức Chúc hay tức Đậ. Chỉ biết Ninh ghen ngào cả cổ. Vừa thấy Đậ, Ninh nhảy xổ lại, tát đen đét vào má Đậ. Đậ òa lên khóc. Ninh òa khóc theo. Một lát sau, Ninh nghĩ thương em quá, Ninh lại đi tìm dong, nhưng hết. Ninh moi luôn một củ ráy. Ráy nước, ăn giữa lắm. Nhưng đói còn biết gì là giữa? Ninh đem về nướng. Ninh gọi Đậ về, lau nước mắt cho nó, rồi chị em ăn ráy nước. Đậ ăn tợn lắm, chẳng thấy kêu ca gì cả. Ninh rơi nước mắt. Ninh dặn em: “Từ giờ đừng ăn cơm nhà thằng Chúc nữa”. Đậ gật đầu. Thế mà hôm nay nó lại lần sang nhà bác Vụ. Có bực mình hay không?

(Trích *Từ ngày mẹ chết*, In trong *Tuyển tập Nam Cao*, NXB Văn học, 2002)

(Chú thích: Bu là đại từ nhân xưng chỉ mẹ; thầy là đại từ nhân xưng chỉ bố, cha; Đậ là em trai của Ninh)

Câu 1: Nhân vật Ninh thường nhớ đến bu vào thời gian nào?

Câu 2: Chỉ ra dấu hiệu để xác định ngôi kể của người kể chuyện trong đoạn trích.

Câu 3: Khi Đậ đói quá, Đậ không nhịn được chạy sang nhà bác Vụ, Bác Vụ đã làm gì?

Câu 4: Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong những câu văn sau: “Ninh khóc ằng ặc như người nuốt phải ngum gì đắng quá, nó quánh vào cổ họng. Khóc đến lặng hẳn người đi, không còn ra tiếng nữa. Chẳng ngày nào không thể. Mỗi ngày hai, ba lần.”

Câu 5: Nhận xét về phẩm chất của nhân vật Ninh trong đoạn trích.

Câu 6: Nêu suy nghĩ của anh(chị) về tình cảm gia đình đối với mỗi người trong cuộc sống(trình bày từ 5-7 dòng)

II. Viết (5,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá đoạn trích in nghiêng ở phần đọc- hiểu và đoạn trích truyện dưới đây:

Thằng Lụm “còi” nhún vai, co mình lại tưởng như ngọn gió vừa bay qua lạnh lắm vậy.

- Hồi đó, hồi tao còn nhỏ ời là nhỏ, má tao bỏ tao lại đây nè.

- Là sao? - tôi chưng hửng.

- Tao cũng đâu có biết. Chắc má tao gặp chuyện gì đó buồn lắm, nuôi không nổi tao nên bỏ tao lại đây. Bởi vậy tao tên Lụm đó.

- Sạo hoài.

Thằng Lạm lắc đầu ra chiều chán nản:

- Thiệt đó, biết sao tao đen thui vậy hôn? - Nó chìa ra cái mặt như chàm cháy - tao bị bỏ ngoài nắng đó. Hồi đó ở ngã tư này vắng hoe hà, tao nằm khóc cả buổi mà đâu có ai hay. Tới chừng đói quá tao mới khóc, tao khóc rồn rồn luôn, tao mạnh miệng từ hồi nhỏ mà. Rồi cái có bà dì bán bánh mì chạy lại, bồng lên, đâu có sữa, bà dì mới móc ruột bánh mì cho tao trấp trấp đỡ, dè đâu tao ăn hết ổ bánh mì luôn. Bà dì thấy tao dễ nuôi, nuôi luôn, sau này, tao kêu bà bằng ngoại. Tao lớn mà hồng tốn một miếng sữa nào hết, hay chưa?

(Trích **Lạm còi**, In trong tập *Xa Xóm Mũi*, Nguyễn Ngọc Tư, NXB Kim Đồng, 2016)

Chú thích:

Lạm còi của Nguyễn Ngọc Tư kể về cuộc gặp gỡ tình cờ của hai nhân vật *tôi* và Lạm. Nhân vật *tôi* bỏ nhà đi bụi vì bị ba đánh tội lấy tiền của mẹ đi chơi điện tử mà không xin phép. Đêm tối, tại ngã tư chỗ rẽ về nhà ngoại, nhân vật *tôi* đã gặp Lạm còi - cậu bé bị bỏ rơi, đen nhẻm, còi cọc, ngày bán bánh mì, đêm tới ngã tư mong chờ mẹ đến đón. Tại đây hai đứa trẻ đã trò chuyện cùng nhau. Cuộc sống tội nghiệp, khổ sở của Lạm khiến *tôi* nhận ra nhiều điều. Đoạn trích chính là những lời tâm sự của Lạm.

Từ ngày mẹ chết của Nam Cao là một trong những truyện ngắn cảm động về tình cảm mẹ con. Câu chuyện kể về cuộc sống của Ninh sau khi mẹ mất đi. Biết bao khốn khổ phủ đầy lên cuộc đời những đứa trẻ mồ côi. Đoạn trích khắc họa rõ nét nhất những tủi hờn, cô cút của hai chị em Ninh khi mẹ mới vừa mất, bố đã sinh bài bạc, nợ nần, bê tha.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0
	1	Nhân vật Ninh thường nhớ đến bu vào thời gian: Mỗi khi trời mưa rét Hướng dẫn chấm: HS trả lời đúng như đáp án đạt 0,75 điểm	0,75
	2	Người kể chuyện không trực tiếp tham gia vào gia vào câu chuyện mà đứng bên ngoài để qua sát và kể lại câu chuyện là dấu hiệu để xác định ngôi kể thứ ba của người kể chuyện trong đoạn trích. Hướng dẫn chấm: HS trả lời đúng như đáp án đạt 0,75 điểm HS trả lời : Người kể chuyện không trực tiếp tham gia vào câu chuyện hoặc người kể chuyện đứng bên ngoài qua sát, kể lại câu chuyện cho 0,75 điểm	0,75
	3	Khi Đật đói quá, Đật không nhìn được chạy sang nhà bác Vụ, bác Vụ đã phải lấy trộm năm com tẻ của thằng cu Chúc nhà bác ấy, đưa cho Đật. Hướng dẫn chấm: HS trả lời đúng như đáp án đạt 1,0 điểm	1,0
	4	- Biện pháp tu từ so sánh: So sánh “Ninh khóc ằng ặc” như “ người nuốt phải ngum gì đắng quá, nó quánh vào cổ họng”, - Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh : +Thể hiện cụ thể nỗi đau đớn tột cùng khi mẹ mất, khiến tinh thần bất ổn đến lạng người, khóc không còn ra tiếng của nhân vật Ninh.	1,0

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		<p>+ Qua đó, nhà văn thể hiện sự đồng cảm, xót thương dành cho nhân vật Ninh.</p> <p>+ Tăng tính sinh động, hấp dẫn, gợi hình, gợi cảm cho câu văn.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- HS trả lời được biện pháp tu từ so sánh: “Ninh khóc ằng ặc” như “người nuốt phải ngậm gì đắng quá, nó quánh vào cổ họng” đạt 0,25 điểm</p> <p>- HS trả lời được mỗi nội dung của tác dụng tác dụng đạt 0,25 điểm</p> <p>- HS có cách diễn đạt tương đương đạt điểm tối đa</p>	
	5	<p>Nhận xét về phẩm chất của nhân vật Ninh trong đoạn trích.</p> <p>- Phẩm chất của nhân vật Ninh trong đoạn trích:</p> <p>+ Là người con hiếu thảo, luôn thương nhớ người mẹ đã mất.</p> <p>+ Là người yêu thương em, trọng tình cảm gia đình.</p> <p>+ Là người hiểu chuyện, biết vượt lên hoàn cảnh của gia đình</p> <p>+ Là người có lòng tự trọng rất cao...</p> <p>- Nhận xét về phẩm chất của nhân vật Ninh : Đó là những phẩm chất tốt đẹp, đáng trân trọng, thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của Ninh.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- HS trả lời như đáp án đạt 1,0 điểm</p> <p>- HS trả lời phẩm chất đạt 0,5 điểm (nêu được 2 phẩm chất đạt 0,5 điểm, 1 phẩm đạt 0,25 điểm)</p> <p>- HS nhận xét phẩm chất đạt 0,5 điểm</p> <p>- HS có cách diễn đạt tương đương đạt điểm tối đa</p>	1,0
	6	<p>- Nêu suy nghĩ của anh(chị) về tình cảm gia đình đối với mỗi người trong cuộc sống (trình bày từ 5-7 dòng)</p> <p>+ Tình cảm gia đình là tình cảm vô cùng thiêng liêng, cao quý đối với mỗi người trong cuộc sống.</p> <p>+ Tình cảm gia đình giúp mỗi người biết yêu thương, thấu hiểu, sẻ chia, đồng cảm, giúp đỡ nhau vượt lên khó khăn, vượt lên những mất mát, đau thương...</p> <p>+ Tình cảm gia đình giúp gắn kết mọi thành viên trong gia đình, là chỗ dựa tinh thần to lớn...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- HS trả lời được như đáp án đạt 0,5 điểm</p> <p>- HS có cách diễn đạt tương đương nhưng phù hợp, thuyết phục đạt điểm tối đa</p>	0,5
II		VIẾT	5,0
	1	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá 2 đoạn trích trong “Từ ngày mẹ chết” và đoạn trích trong “Lục còi”.	5,0
		<p>a. Đảm bảo bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</p> <p>Đảm bảo yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.</p>	0,5

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: so sánh, đánh giá 2 đoạn trích trong “Từ ngày mẹ chết” và đoạn trích trong “Lạm còi”.</i>	0,5
		<p><i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</i></p> <p>Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng:</p> <p>* Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.</p> <p>* Thân bài:</p> <p>- Luận điểm 1. Thông tin chung về từng đoạn trích : đề tài, chủ đề nhân vật, vị trí của đoạn trích,...(nêu ngắn gọn nếu biết)</p> <p>- Luận điểm 2. Những điểm tương đồng, khác biệt giữa hai đoạn trích truyện</p> <p>+ Những điểm tương đồng của hai đoạn trích:</p> <p>. Đề tài, nhân vật: Cả hai đoạn trích đều hướng tới đề tài gia đình, mà nhân vật trung tâm trong đó là những đứa trẻ khốn khổ khi chúng phải chịu cảnh thiệt thòi vì không có mẹ ở bên.</p> <p>. Quan điểm thẩm mĩ và cách tiếp cận hiện thực: Cả hai nhà văn đều hướng ngòi bút vào cuộc đời, số phận, hiện thực đau khổ, bất hạnh cuộc đời những đứa trẻ thể hiện tấm lòng nhân đạo cao cả. Họ viết về chúng bằng ngòi bút thấu hiểu, sẻ chia, họ nâng niu từng xúc cảm trong những tâm hồn ngây thơ, trong sáng, trong những trái tim mỏng manh, yếu ớt và rất dễ tổn thương,...</p> <p>+ Những điểm khác biệt:</p> <p>. Cách kể chuyện:</p> <p>+ Lạm còi: Tác giả chọn ngôi kể là ngôi thứ nhất; điểm nhìn chủ yếu đặt vào nhận vật tôi để khắc họa hành trình nhận thức của tôi. Do đó qua lời kể của nhân vật tôi, Lạm hiện ra càng khốn khổ thì càng đánh thức ý nghĩa của gia đình đối với nhân vật tôi.</p> <p>+ Từ ngày mẹ chết: Nam Cao chọn ngôi kể thứ ba, cố tạo dáng vẻ của người ngoài cuộc khách quan, vô tư để lẩn tránh cảm xúc. Tuy vậy ông không giấu nổi những xót thương vô hạn. Đôi khi, điểm nhìn ông không để toàn tri mà thu gọn lại hạn tri qua điểm nhìn của Ninh, điều đó thể hiện rõ sự thấu hiểu, đồng cảm, sẻ chia, trân trọng.</p> <p>. Cách xây dựng nhân vật:</p> <p>+Lạm còi:</p> <p>. Hoàn cảnh, số phận: Mẹ bỏ rơi, sống nghèo khổ, đói khát, rách rưới “ <i>Hồi đó, hồi tao còn nhỏ ời là nhỏ, má tao bỏ tao lại đây nè.</i> ”</p> <p>. Vẻ đẹp tâm hồn: Dù cuộc sống đầy cực khổ nhưng không bao giờ phàn nàn, kêu ca, vẫn luôn hồn nhiên, vô tư không một lời oán trách. Luôn nghĩ về mẹ với những điều tốt đẹp, không bao giờ mất niềm tin vào tình mẹ “ <i>Chắc má tao gặp chuyện gì đó buồn lắm, nuôi không nổi tao nên bỏ tao lại đây.</i> ”</p>	3,0

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		<p>. Nghệ thuật xây dựng nhân vật: Nhân vật hiện lên chủ yếu qua đối thoại. Người đọc có thể hình dung ra ngoại hình hoặc hiểu rõ nét cuộc đời số phận nhân vật Lụm qua chính những lời Lụm kể cho nhân vật tôi nghe. Mặc dù đoạn trích là đoạn đối thoại rất ngắn gọn nhưng tính chất cô đặc lại rất cao, bởi vậy chúng ta đủ hiểu cả cuộc đời của Lụm: từ lúc sinh ra (bị bỏ rơi), tới quá trình nuôi lớn (bằng bánh mì), và cả hoàn cảnh cụ thể hiện tại (là con nuôi),...</p> <p>+ Từ ngày mẹ chết:</p> <p>.Hoàn cảnh, số phận: Mẹ chết, bố bỏ mặc hai con, túng quẫn không nuôi nổi. Hai chị em lâm vào cảnh đói khát, khôn cùng, không còn chỗ bầu vú, Ninh phải đào dong hai chị em ăn, rồi ăn cả ráy nước “<i>Đặt khóc, Ninh đi moi được một củ dong về nướng. Đặt một nửa. Ninh một nửa. Ninh bảo Đặt ăn cho đỡ đói thôi, còn cố nhịn, đợi thầy về, ăn nữa..</i> Khi dong không còn, ráy cũng hết, Đặt chạy đi kiếm ăn bên nhà hàng xóm, nhưng bị con hàng xóm dành lại đồ ăn, lại còn bị đánh đau.</p> <p>.Vẻ đẹp tâm hồn những đứa trẻ:</p> <p>Ninh hiểu chuyện nên không bám nhà hàng xóm nghèo nàn. Ninh không phó mặc cho đói khát hành hạ mà tự mình tìm cách sinh tồn cho hai chị em. Ninh rất hiểu chuyện, thương em. Đặc biệt ở nhân vật Ninh, lòng tự trọng rất cao. Cái bực ở Ninh chính là sự bất lực của lòng tự trọng “<i>Ninh tức lắm. Chẳng biết tức Chúc hay tức Đặt. Chỉ biết Ninh ghen ngào cả cổ. Vừa thấy Đặt, Ninh nhảy xổ lại, tát đen đét vào má Đặt. Đặt òa lên khóc. Ninh òa khóc theo</i>”</p> <p>. Nghệ thuật xây dựng nhân vật:</p> <p>Với điểm nhìn từ bên trong, tác giả đã đi sâu khắc họa tâm lí nhân vật Ninh. Lời tác giả và lời nhân vật đan xen, hòa trộn cho ta thấy sự thấu hiểu tận cùng của Nam Cao đối với nhân vật của mình. Nhân vật Ninh hiện lên có hành động, có lời nói, có cử chỉ, những suy nghĩ, những tâm tư “<i>Một lát sau, Ninh nghĩ thương em quá, Ninh lại đi tìm dong, nhưng hết. Ninh moi luôn một củ ráy. Ráy nước, ăn ngứa lắm. Nhưng đói còn biết gì là ngứa? Ninh đem về nướng. Ninh gọi Đặt về, lau nước mắt cho nó, rồi chị em ăn ráy nước. Đặt ăn tợn lắm, chẳng thấy kêu ca gì cả. Ninh rơi nước mắt. Ninh dặn em: “Từ giờ đừng ăn cơm nhà thằng Chúc nữa”. Đặt gật đầu. Thế mà hôm nay nó lại lần sang nhà bác Vụ. Có bực mình hay không?</i>”</p> <p>3. Luận điểm 3 : Lý giải vì sao có sự giống và khác nhau</p> <p>-Cả 2 nhà văn đều có cùng quan điểm thẩm mĩ và cách tiếp cận hiện thực nhưng mỗi tác giả lại có phong cách riêng, điểm nhìn riêng... tạo nên giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo sâu sắc cho từng đoạn trích và tác phẩm.</p> <p>- Một ngòi bút nữ giản dị, trong trẻo, nhẹ êm và dịu dàng, Nguyễn Ngọc Tư hoàn toàn khác với một Nam Cao thâm trầm, sâu sắc, với</p>	

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		<p>vẻ ngoài lạnh lùng mà trong ấm áp, yêu thương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác phẩm của Nam Cao được viết trước 1945, khi cái đói ngấp nghé, khi cuộc sống của nhân dân vô cùng cơ khổ trong xã hội thực dân nửa phong kiến. Trong khi đó, tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư ra đời trong thời đại hôm nay, bà đi vào phản ánh đúng thực trạng bi đát của một bộ phận con người trong xã hội. - Dù ra đời trong những bối cảnh, thời đại khác nhau, cách tiếp cận khác nhau, nhưng cả hai nhà văn đều đánh thức được sự đồng cảm trong lòng độc giả. Chúng ta xót thương những đứa trẻ, trân trọng tấm lòng những nhà văn, đồng thời biết nâng niu hơn nữa những hạnh phúc giản dị đời thường nơi những gia đình nhỏ, đặc biệt ta càng thêm xúc động trước tình mẹ, trước khao khát về tình mẹ của con người,... <p>4. Luận điểm 4: Nêu ý nghĩa của việc đánh giá các đoạn trích khi đặt chúng trong tương quan so sánh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo nên sự độc đáo, hấp dẫn riêng cho mỗi đoạn trích. - Thể hiện tài năng, phong cách của hai nhà văn. - Góp phần tạo nên sức sống lâu bền của hai đoạn trích nói riêng và hai tác phẩm nói chung... <p>C. Kết bài: Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm.</p> <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
		<p><i>d. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,5
		<p><i>đ. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về vấn đề cần nghị luận; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh. - Đáp ứng được 02 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. 	0,5
		Tổng điểm	10,0

----- HẾT -----

I/ Đọc hiểu (5,0 điểm)**Đọc đoạn trích:**

(Lược dẫn: Di Hảo là con nuôi của bà tôi. Bố đẻ của di chết đã lâu. Mẹ đẻ di là bà xã Vân. Dù công việc buôn bán thuận lợi nhưng vì phải nuôi hai đứa con nheo nhóc cùng với đồng nợ chồng chất nên bà đẻ di Hảo đi ở. Mới đầu về nhà mẹ nuôi, di Hảo khóc ghê lắm nhưng rồi di cũng quen dần và trở thành một người con gái rất ngoan đạo. Đến khi lấy chồng, di dành cho chồng tất cả tình yêu thương nhưng chồng di lại là một kẻ cờ bạc, rượu chè, vũ phu, không yêu di.)

Hắn khinh di là đứa con nuôi, còn hắn là con dòng cháu giống. Và tuy rằng nghèo xác, hắn nhất định không làm gì. Hắn lấy vợ để cho vợ nó nuôi. Di Hảo cũng nghĩ đúng như thế ấy; di làm mà nuôi hắn. Người vợ đảm đang ấy kiếm mỗi ngày được hai hào, di ăn có năm xu. Còn một hào thì hắn dùng mà uống rượu. Và gia đình vui vẻ lắm. Nhưng sự tai ác của ông trời bắt di để một đứa con.

Đứa con chết, mà di thì tê liệt. Mỗi ngày ngồi là một ngày không có hai hào. Người chồng muốn đó là cái lỗi của người vợ vô phúc ấy.

Nhưng mới đầu hắn chỉ nghĩ thế thôi. Là vì nhờ ít tiền dành dụm, người ta vẫn có thể đủ cả cơm lẫn rượu. Nhưng rồi rượu phải bớt đi. Đến cả cơm cũng thế. Đến lúc ấy thì hắn không nhận được nữa. Hắn chửi bâng quơ. Hắn chửi những nhà giàu, hắn chửi số kiếp hắn, và sau cùng thì chửi vợ. Ô! Hắn chửi nhiều lắm lắm, một bữa đôi rượu rồi tình cờ có một bữa rượu say.

Di Hảo chẳng nói năng gì. Di nghiêng chặt răng để cho khỏi khóc nhưng mà di cứ khóc. Chao ôi! Di Hảo khóc. Di khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ. Di thổ ra nước mắt. Nhưng di phí nước mắt làm gì nhiều đến thế. Vì di còn phải khóc hơn thế nhiều, khi hắn chán chửi, bỏ nhà mà đi, bỏ di bơ vơ, đau ốm, để tìm cơm rượu. Trách làm gì hắn, cái con người bắt buộc phải tàn nhẫn ấy? Hắn phải ăn, phải uống, phải vui thú, đó là đời của hắn. Di Hảo què liệt không còn những cái ấy để mà cho. Không, di có trách chi con người tàn nhẫn ấy. Cũng như di đã không trách bà tôi đã làm nợ không cấp đỡ cho di. Bà tôi có còn giàu như trước nữa đâu? Người đã già, đã ốm yếu, và khổ cực thay! Đã nghèo như lúc còn hăm hai. Cái cơ nghiệp người gây dựng thầy tôi buôn bán thua lỗ, chúng tôi học hành tốn phí nhiều, đã tan tác đi theo gió bốn phương. Người chỉ có thể đem đến cho di Hảo mỗi ngày một xu quà, và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở.

(Trích “Di Hảo”, Tuyển tập truyện ngắn Đôi mắt, Nam Cao, NXB Văn học, 2017, tr.208)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định ngôi kể của đoạn trích trên.

Câu 2. Chỉ ra những từ ngữ miêu tả tiếng khóc của di Hảo qua các câu văn sau: “Di Hảo chẳng nói năng gì. Di nghiêng chặt răng để cho khỏi khóc nhưng mà di cứ khóc. Chao ôi! Di Hảo khóc. Di khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ. Di thổ ra nước mắt”.

Câu 3. Theo đoạn trích, di Hảo không trách những ai?

Câu 4. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong câu văn sau: Di khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ.

Câu 5: Qua đoạn trích, anh/ chị nêu nhận xét về thái độ, tình cảm của tác giả đối với nhân vật di Hảo.

Câu 6. Bài học sâu sắc nhất mà anh/chị rút ra từ đoạn trích trên là gì? (Trả lời khoảng 5-7 dòng).

II. Viết (5.0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn trích:

Đoạn trích thứ nhất: Ở phần đọc hiểu.

Đoạn trích thứ hai:

(Lược dẫn: Dung là con thứ bốn trong gia đình bị sa sút kinh tế. Nàng lớn lên trong sự hờ hững, lạnh nhạt của gia đình. Rồi bị mẹ gả bán cho một nhà giàu để lấy mấy trăm đồng bạc.)

Khốn nạn cho Dung từ bé đến nay không phải làm công việc gì nặng nhọc, bây giờ phải tát nước, nhổ cỏ, làm lụng đầu tắt mặt tối suốt ngày. Đã thế lại không có người an ủi. Chồng nàng thì cả ngày thả diều, chả biết cái gì mà cũng không dám cãi lại bà cụ. Còn hai em chồng nàng thì ghê gớm lắm, thi nhau làm cho nàng bị mất thêm.

Những lúc Dung cực nhọc quá, ngồi khóc thì bà mẹ chồng lại dạy nghiêm:

– Làm đi chứ, đừng ngồi đấy mà sụt sịt đi cô. Nhà tôi không có người ăn chơi, không có người cả ngày ôm lấy chồng đâu.

Rồi bà kể thêm:

– Bây giờ là người nhà tao rồi thì phải làm. Mấy trăm bạc dẫn cưới, chứ tao có lấy không đâu.

Dung chỉ khóc, không dám nói gì. Nàng đã viết ba bốn lá thư về, kể nỗi khổ sở của nàng, nhưng không thấy cha mẹ ở nhà trả lời.

(Lược dẫn: Dung ăn trộm tiền của mẹ chồng để trốn về nhà nhưng bị mẹ đẻ dạy nghiêm. Sáng hôm sau, mẹ chồng xuống tìm nàng.)

Bị khổ quá, nàng không khóc được nữa. Nàng không còn hi vọng gì ở nhà cha mẹ mình. Nghĩ đến những lời dạy nghiêm, những nỗi hành hạ nàng phải sẽ chịu. Dung thấy lạnh người đi như bị sốt. Nàng hoa mắt lên, đầu óc rối bời, Dung ước ao cái chết như một sự thoát nợ.

Nàng không nhớ rõ gì. Ra đến sông lúc nào nàng cũng không biết. Như trong một giấc mơ, Dung lơ mơ thấy cái thành cầu, thấy dòng nước chảy. Trí nàng sắc lại khi nước lạnh đập vào mặt, nàng uất ức lịm đi, thấy máu đỏ trào lên, nổi một cái màng đen tối kéo đến che lấp tất cả.

Bỗng nàng mơ màng nghe thấy tiếng nhiều người, tiếng gọi tên nàng, một làn nước nóng đi vào cổ. Dung ú ớ cửa mình muốn trả lời.

[...] Hai hôm sau, Dung mạnh khỏe hẳn. Bà mẹ chồng vẫn chờ nàng, hỏi có về gay gắt thêm:

- Cô định tự tử để gieo cái tiếng xấu cho tôi à? Nhưng đời nào! Trời có mắt chứ! Đã dễ mà chết được. Thế bây giờ cô định thế nào? Định ở hay định về?

Dung buồn bã trả lời:

- Con xin về.

(Trích Hai lần chết, Thạch Lam, Tuyển tập Thạch Lam, NXB Văn học, 2008, tr. 115 -

118)

Chú thích:

* Thạch Lam (1910 - 1942) tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh, sau đổi là Nguyễn Tường Lân, là người đôn hậu và tinh tế, rất thành công ở thể loại truyện ngắn. Thạch Lam chủ yếu khai thác thế giới nội tâm của nhân vật với những cảm xúc mong manh, mơ hồ. Mỗi truyện ngắn như một bài thơ trữ tình. Các tác phẩm chính: *Gió lạnh đầu mùa* (truyện ngắn, 1937), *Nắng trong vườn* (truyện ngắn, 1938), *Ngày mới* (tiểu thuyết, 1939).

* Nam Cao (1915 - 1951) tên khai sinh là Trần Hữu Tri, là nhà văn lớn nhất của trào lưu văn học hiện thực phê phán 1930 - 1945, là người có vẻ ngoài lạnh lùng nhưng đời sống nội tâm phong phú, có tấm lòng đôn hậu, chan chứa yêu thương. Nam Cao luôn đi sâu khai thác đời sống nội tâm, tinh thần nhân vật, sử dụng phương pháp độc thoại nội tâm đầy khéo léo và tinh tế. Các tác phẩm chính: *Chí Phèo* (truyện ngắn, 1941). *Lão Hạc* (truyện ngắn, 1943), *Sống mòn* (tiểu thuyết, 1944),....

----- Hết -----

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0
	1	Đoạn trích được kể theo ngôi thứ nhất. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được như đáp án: 0,75 điểm - Không trả lời/ trả lời sai: 0,0 điểm	0,75
	2	Từ ngữ miêu tả tiếng khóc của dì Hảo qua đoạn văn: <i>khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ, thổ ra nước mắt.</i> <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được như đáp án: 0,75 điểm hoặc từ 2 ý cũng đạt 0,75 điểm - Trả lời được 1 ý: 0,25 - Không trả lời/ trả lời sai: 0,0 điểm	0,75
	3	Theo đoạn trích, dì Hảo không trách: <i>Không, dì có trách chi con người tàn nhẫn ấy; không trách bà tôi.</i> Hoặc trả lời: Không trách hẳn/ Không trách người chồng; không trách bà tôi/ không trách mẹ đẻ của dì. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý: 0,5 điểm - Không trả lời/ trả lời sai: 0,0 điểm.	1,0
	4	-Biện pháp tu từ: So sánh: Khóc – người ta thổ/ Khóc như người ta thổ -Tác dụng: Diễn tả nỗi khổ cực, uất ức của Dì Hảo; thể hiện sự xót xa, thấu hiểu, đồng cảm... của tác giả trước số phận cơ cực, bất hạnh của dì Hảo; câu văn tăng tính gợi hình, gợi cảm, sinh động, hấp dẫn. <i>Hướng dẫn chấm:- Gợi tên được biện pháp tu từ, nêu được biểu hiện: 0,25 điểm.</i> <i>-Chỉ ra tác dụng nội dung: 0,5 điểm.</i> <i>-Chỉ ra tác dụng nghệ thuật: 0,25 điểm.</i> <i>- Trả lời được như đáp án: 1,0 điểm.</i> <i>- Không trả lời/ trả lời sai: 0,0 điểm.</i>	1,0
	5	Nhận xét về thái độ, tình cảm của tác giả đối với nhân vật dì Hảo qua đoạn trích: -Thấu hiểu, đồng cảm, xót xa trước số phận bất hạnh của dì Hảo (Dì không chỉ nghèo khổ về vật chất, dì còn bị đối xử bất công, bị tra tấn về tinh thần; dì vô cùng đáng thương). - Đó là tình cảm chân thành, nhân văn, cao đẹp,... <i>Hướng dẫn chấm: - Trả lời đạt 1 ý: 0,5 điểm.</i> <i>-Trả lời như đáp án: 1,0 điểm.</i> <i>-Diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.</i> <i>- Không trả lời/ trả lời sai: 0,0 điểm.</i>	1,0
	6	- Nêu được một bài học sâu sắc rút ra từ đoạn trích. - Lí giải phù hợp, thuyết phục. (Gợi ý bài học: Cần biết cảm thông, tôn trọng, bảo vệ phẩm giá của phụ nữ và những người yếu thế; sống nhân ái, biết trân trọng hạnh phúc, biết chia sẻ và yêu thương...) <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Học sinh trả lời được 02 ý: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời được 01 ý: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5

II	VIẾT	
1	Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn trích của hai văn bản truyện (Trích <i>Dì Hảo</i> của Nam Cao và <i>Hai lần chết</i> của Thạch Lam).	5,0
	<i>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</i> Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.	0,5
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> So sánh, đánh giá hai văn bản truyện (Trích <i>Dì Hảo</i> của Nam Cao và <i>Hai lần chết</i> của Thạch Lam). Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.	0,5
	<i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: Mở bài: - Dẫn dắt và giới thiệu tên các tác phẩm, tác giả. - Nêu vấn đề nghị luận: Giá trị nội dung, nghệ thuật của hai đoạn trích trong “Hai lần chết” của Thạch Lam và “Dì Hảo” của Nam Cao. Thân bài: - Khái quát chung + Giới thiệu hai tác giả và hai tác phẩm: vị trí, thể loại, đề tài.... + Khái quát điểm giống nhau (đề tài, tư tưởng chủ đề, hình tượng nhân vật cùng những nét độc đáo về nghệ thuật như ngôi kể, điểm nhìn, ngôn ngữ) và điểm khác nhau (nét độc đáo riêng biệt bởi lẽ người nghệ sĩ không lặp lại người khác và không lặp lại chính mình). * So sánh, đánh giá hai tác phẩm: - <i>Luận điểm 1.</i> Điểm giống nhau của hai đoạn trích về nội dung, nghệ thuật. + <i>Điểm giống nhau về nội dung:</i> ++ Cả hai đoạn trích đều viết về đề tài người nông dân nghèo: người phụ nữ dưới chế độ phong kiến nửa thực dân với số phận, cuộc đời đầy đau khổ bất hạnh (Từ nhỏ họ đã phải chịu cảnh thờ ơ, lạnh nhạt, thiếu thốn tình cảm của mẹ cha. Đến khi lớn lên, lấy chồng, họ đều gặp những người chồng không ra gì, đều phải lao động quần quật, chịu sự đánh đập, hành hạ) => Thạch Lam và Nam Cao muốn tố cáo sự bất công ngang trái của xã hội và thể hiện sự cảm thông, xót xa, thương yêu cùng niềm trân trọng ngợi ca, bênh vực những người phụ nữ trong xã hội đó. + <i>Điểm giống về nghệ thuật:</i> đều sử dụng ngôi kể thứ ba, có sự kết hợp giữa các điểm nhìn như điểm nhìn của người kể chuyện, điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong, bút pháp tả thực với cách miêu tả cụ thể, tỉ mỉ, khiến nỗi đau của người phụ nữ càng được khắc sâu, tô đậm. - <i>Luận điểm 2.</i> Điểm khác nhau của hai tác phẩm/ đoạn trích về nội dung, nghệ thuật. + <i>Điểm khác nhau về nội dung:</i> Đoạn trích “Hai lần chết” khắc	3,0

hoạ số phận khổ đau, bất hạnh của nhân vật Dung trước sự ghẻ lạnh của mẹ đẻ và sự cay nghiệt của mẹ chồng. Nàng bị chính mẹ đẻ gả bán cho một nhà giàu để lấy mấy trăm đồng bạc và bị mẹ chồng đối xử không khác gì kẻ ăn người ở trong nhà. Đoạn trích “Dì Hảo” khắc hoạ số phận của một người phụ nữ bất hạnh, mồ côi cha, phải sớm đi làm con ở, phải chung sống với một người chồng cờ bạc, vũ phu, không những không được yêu thương mà còn bị khinh ghét, đánh đập. Đó còn là người phụ nữ phải chịu nỗi đau mất con, nỗi đau bị bệnh tật giày vò.

+ *Điểm khác nhau về nghệ thuật:* Đoạn trích “Hai lần chết” (Thạch Lam) có sự kết hợp giữa điểm nhìn của người kể chuyện với điểm nhìn bên ngoài, điểm nhìn bên trong cùng với ngôn ngữ, giọng điệu của người kể chuyện, của nhân vật. Nhân vật Dung được khắc hoạ qua những đoạn đối thoại với nhân vật người mẹ chồng. Vì thế, đoạn văn có sự đan cài của ngôn ngữ và giọng điệu của nhân vật người mẹ. Còn trong đoạn trích “Dì Hảo” (Nam Cao) là sự kết hợp giữa điểm nhìn người kể chuyện và điểm nhìn bên trong, cùng với ngôn ngữ nửa trực tiếp. Những câu văn còn là chính những dòng suy nghĩ, độc thoại nội tâm của nhân vật để từ đó giúp người đọc cảm nhận rõ hơn tâm trạng đau đớn, tủi cực của nhân vật dì Hảo. Bên cạnh đó, nếu nhân vật Dung được tô đậm bởi tình huống nàng trẫm mình xuống sông để tự tử: “*Nàng hoa mắt lên, đầu óc rối bời, Dung ước ao cái chết như một sự thoát nợ*”, thì nhân vật dì Hảo được tô đậm bởi chi tiết dì Hảo khóc: “*Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nước nỏ, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ. Dì thổ ra nước mắt*”.

- *Luận điểm 3.* Lí giải điểm giống, khác nhau và nêu ý nghĩa

+ “Hai lần chết” và “Dì Hảo” đều là hai tác phẩm tiêu biểu của văn học giai đoạn 1930 - 1945, vì thế, cả hai tác phẩm đều có chung bối cảnh đời sống xã hội.

+ Nam Cao và Thạch Lam đều là những nhà văn có tấm lòng nhân đạo cao cả, đều có chung quan điểm “nghệ thuật vị nhân sinh”.

+ Cả hai đều là những nhà văn lớn với phong cách nghệ thuật độc đáo -> dấu ấn riêng -> Cái tài, cái tâm của hai tác giả.

* *Đánh giá:*

- Giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của 2 đoạn trích nói riêng, tác phẩm nói chung.

- Phong cách nghệ thuật độc đáo tạo nên sức sống lâu bền của tác phẩm cũng như đoạn trích.

Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của so sánh, đánh giá hai tác phẩm. Có thể nêu những ấn tượng của bản thân.

Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

Hướng dẫn chấm:

- *Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (2,5 điểm - 3,0 điểm).*

- *Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (1,25 điểm - 2,25 điểm).*

- *Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm - 1,0 điểm).*

		<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,5
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm			10,0